

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG TRÌNH VIETTEL  
VIETTEL CONSTRUCTION  
JOINT STOCK CORPORATION

Số/No.: 40 /CBTT-VCC

CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
*Independence - Freedom - Happiness*

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2023  
Hanoi, day 06 month 12 year 2023

DISCLOSURE OF INFORMATION  
ON THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S  
PORTAL

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*.

- Tên tổ chức/*Organization name*: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL/VIETTEL CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION
- Mã chứng khoán/*Securities Symbol*: CTR
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Số 1 Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội/ *No.1 Giang Van Minh street, Kim Ma ward, Ba Dinh district, Hanoi*.
- Điện thoại/ *Telephone*: 086.208.1111
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Ngọc Ánh  
Chức vụ/ *Submitted by*: Người được ủy quyền công bố thông tin/ *Party authorized to disclose information*

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
*Information disclosure type:  Periodic  Irregular  24 hours  On demand*

**Nội dung thông tin công bố:**

Nghị quyết HĐQT số 35/NQ-VCC ngày 05/12/2023 về việc thông qua quy chế lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, tài liệu và mẫu Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

**Content of Information disclosure:**

*The BOD's Resolution No. 35/NQ-VCC dated 05/12/2023 on approve Regulation on solicitation of shareholders' written opinion, documents and sample of ballot for solicitation of shareholders' written opinion.*



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/12/2023 tại đường dẫn: <https://viettelconstruction.com.vn/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong/>.

*This information was disclosed on Company on 06/12/2023 Available at: <https://viettelconstruction.com.vn/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong/>.*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation./.*

**Nơi nhận/Recipient:**

- Như trên/ As above;
- Lưu/Archived by: TKHĐQT, Anh03.

**Tài liệu đính kèm/Attachment:**

- Nghị quyết HĐQT/ BOD's Resolution .

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người ủy quyền công bố thông tin  
Party authorized to disclose information



Nguyễn Ngọc Ánh



**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;*

*Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;*

*Căn cứ Biên bản tổng hợp Phiếu lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel số 34/BB-VCC ngày 05/12/2023.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua “Quy chế lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2023”.**

*(Quy chế đính kèm Nghị quyết này)*

**Điều 2. Thông qua nội dung các tờ trình xin ý kiến cổ đông bằng văn bản.**

- Tờ trình về việc điều chỉnh phương án trả cổ tức còn lại năm 2022.

- Tờ trình về việc Chấp thuận hợp đồng, giao dịch với cổ đông Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.

*(Tờ trình đính kèm Nghị quyết này)*

**Điều 3. Thông qua Mẫu phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.**

*(Mẫu Phiếu lấy ý kiến đính kèm Nghị quyết này)*

**Điều 4. Thành lập Ban kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2023.**

1. Trưởng ban kiểm phiếu: Ông Đỗ Mạnh Hùng – Chủ tịch HĐQT.
2. Người giám sát kiểm phiếu:
  - 2.1. Ông Ngô Quang Tuệ – Trưởng Ban kiểm soát;
  - 2.2. Ông Nguyễn Tất Trường – Thành viên HĐQT.
3. Người chứng kiến:
  - 3.1. Ông Phạm Đình Trường – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật;
  - 3.2. Ông Nguyễn Quang Khải – Thành viên độc lập HĐQT.
4. Người kiểm phiếu:
  - 4.1. Ông Phạm Hồng Quân – Trưởng ban, Tiểu ban Thư ký HĐQT;
  - 4.2. Ông Nguyễn Xuân Thành – Trưởng phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ;
  - 4.3. Bà Trần Minh Nguyệt – Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ;



4.4. Bà Mai Thị Anh – Thành viên Ban kiểm soát;

4.5. Bà Nguyễn Ngọc Ánh – Thành viên Tiểu ban Thư ký HĐQT.

Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản được ban hành kèm theo Nghị quyết này.

**Điều 5.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: TKHĐQT. Quân 12.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**ĐỖ MẠNH HÙNG**



TỔNG CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH VIETTEL  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## QUY CHẾ

### Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2023

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 35/NQ-VCC ngày 05 tháng 12 năm 2023  
của Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel)*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng cho việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2023 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel (gọi tắt là “Công ty”).
2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia lấy ý kiến và cách thức tiến hành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty.
3. Cổ đông/các bên tham gia biểu quyết vào Phiếu lấy ý kiến cổ đông của Công ty và những người liên quan đến việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

#### **Điều 2. Nguyên tắc làm việc**

1. Công khai, công bằng, dân chủ.
2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông, của Công ty.
3. Phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế này.

#### **Điều 3. Điều kiện tham gia cho ý kiến**

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng 01/12/2023 theo Danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc những người được ủy quyền hợp lệ theo quy định.

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông tham gia cho ý kiến**

1. Được quyền cho ý kiến (biểu quyết) hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc cho ý kiến đối với các vấn đề cần lấy ý kiến cổ đông được Công ty đăng tải trên website theo đường dẫn <https://viettelconstruction.com.vn/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong/>.
2. Được nhận Phiếu lấy ý kiến có ghi số cổ phần tương ứng với số phiếu biểu quyết của cổ đông đối với vấn đề Công ty lấy ý kiến qua đường bưu điện hoặc gửi tận tay cổ đông (theo địa chỉ, số điện thoại tại Danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp).
3. Tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế này.

## **Điều 5. Quy định về ủy quyền**

1. Việc ủy quyền cho người đại diện trả lời Phiếu lấy ý kiến cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải đảm bảo quy định sau:

- a. Trường hợp cổ đông là cá nhân:
  - Một cổ đông chỉ được ủy quyền cho một người hoặc một tổ chức biểu quyết vào Phiếu lấy ý kiến.
  - Văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông ủy quyền và cá nhân được ủy quyền hoặc chữ ký, đóng dấu của người đại diện hợp pháp của tổ chức được ủy quyền.

- b. Trường hợp cổ đông là tổ chức:
  - Tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người biểu quyết vào Phiếu lấy ý kiến (trong trường hợp này, văn bản ủy quyền phải nêu rõ số lượng, tỷ lệ số cổ phần biểu quyết ủy quyền cho từng người).
  - Văn bản ủy quyền phải có chữ ký, đóng dấu của người đại diện hợp pháp của cổ đông là tổ chức ủy quyền và chữ ký của cá nhân được ủy quyền hoặc chữ ký, đóng dấu của người đại diện hợp pháp của tổ chức được ủy quyền.

2. Bên được ủy quyền phải nộp văn bản ủy quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều này kèm Phiếu lấy ý kiến đã biểu quyết về Công ty.

3. Cổ đông và bên được ủy quyền tự chịu trách nhiệm về quyền hạn, nghĩa vụ của mỗi bên và giá trị pháp lý của văn bản ủy quyền. Công ty không chịu trách nhiệm với bất kỳ khiếu kiện, khiếu nại nào liên quan đến việc ủy quyền của cổ đông.

## **Điều 6. Quy định về việc biểu quyết vào Phiếu lấy ý kiến**

- 1. Cách thức biểu quyết:
  - Cổ đông đánh dấu (x) hoặc (√) vào 01 trong 03 ô **Tán thành** hoặc **Không tán thành** hoặc **Không có ý kiến** tại mỗi nội dung lấy ý kiến của Phiếu lấy ý kiến.
  - Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với cổ đông Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội không có quyền biểu quyết đối với nội dung “*Chấp thuận hợp đồng, giao dịch với cổ đông Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội*”.
- 2. Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ trong các trường hợp sau:
  - Phiếu lấy ý kiến không theo mẫu hoặc phiếu bị gạch xoá, sửa chữa, bổ sung các nội dung nằm ngoài Phiếu lấy ý kiến mà HĐQT Công ty đã phê duyệt và công bố.
  - Đánh dấu từ 02 ô trở lên hoặc không đánh dấu vào ô nào tại mỗi nội dung lấy ý kiến.

04  
 VG C  
 CỔ P  
 NG  
 IET  
 /NH -

- Không có chữ ký của cổ đông (nếu cổ đông là cá nhân) hoặc không có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và đóng dấu (nếu cổ đông là tổ chức và có con dấu).

- Phong bì đã bị mở trước khi kiểm phiếu, phiếu lấy ý kiến bị rách.

- Không gửi kèm Văn bản ủy quyền phù hợp trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác thực hiện biểu quyết tại Phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel hoặc gửi không đúng quy định tại Điều 7 Quy chế này được coi là không tham gia biểu quyết.

### **Điều 7. Cách thức và thời hạn trả lời Phiếu lấy ý kiến**

1. Cổ đông có thể gửi Phiếu lấy ý kiến đã biểu quyết về Công ty theo một trong các cách thức sau:

1.1. Gửi thư (trong phong bì dán kín) theo đường bưu điện hoặc trực tiếp về Công ty theo địa chỉ:

*Ông Phạm Hồng Quân – Trưởng ban, Tiểu ban Thư ký HĐQT  
Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel  
Số 6 Phạm Văn Bạch, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội  
Số điện thoại: 086.208.1111.*

1.2. Gửi Email về địa chỉ: [ir.viettelconstruction@viettel.com.vn](mailto:ir.viettelconstruction@viettel.com.vn).

2. Thời hạn cuối cùng Công ty nhận Phiếu lấy ý kiến cổ đông đối tất cả các cách thức là **17h30 ngày 25/12/2023**.

Cách xác định thời điểm Công ty nhận Phiếu lấy ý kiến của cổ đông:

- Theo thời gian trên dấu công văn đến được Công ty đóng trên phong bì thư hoặc thời gian Công ty nhận thư theo dấu của đơn vị chuyển phát nếu gửi qua đường bưu điện/chuyển phát hoặc trực tiếp;

- Theo thời gian nhận được email trên hệ thống nếu gửi qua email.

### **Điều 8. Quy định về việc kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu tổ chức kiểm phiếu tại phòng kín ngay sau khi kết thúc thời hạn nhận Phiếu lấy ý kiến cổ đông. Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu lấy ý kiến của cổ đông.

2. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Các thành viên Ban kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

4. Biên bản kiểm phiếu được công bố thông tin theo quy định.

### **Điều 9. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

538  
NG T  
IÀN  
RINH  
'EL  
P. HA

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

3. Riêng nội dung "*Chấp thuận hợp đồng, giao dịch với cổ đông Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội*" được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết (**trừ Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với cổ đông Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội**) tán thành.

4. Căn cứ kết quả kiểm phiếu tại Biên bản kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt Đại hội đồng cổ đông ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 10. Lưu trữ và công bố thông tin**

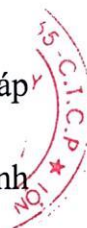
1. Tất cả Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan kèm theo Phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở của Công ty.

2. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được công bố thông tin theo quy định.

#### **Điều 11. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này được thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký, chỉ có giá trị áp dụng trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2023.

2. Cổ đông và những người có trách nhiệm liên quan thực hiện các quy định tại Quy chế này./.





Số: 87 /TTr-VCC

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2023

## TỜ TRÌNH

### Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

### Thông qua điều chỉnh phương án trả cổ tức còn lại của năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel (Sau đây gọi là Tổng Công ty);

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2023 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng quản trị (HĐQT) số 17/NQ-VCC ngày 17/05/2023 về triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 và Nghị quyết HĐQT số 21/NQ-VCC về điều chỉnh phương án phát hành ngày 19/06/2023;

Căn cứ vào công văn số 3657/UBCK-QLCB ngày 14/06/2023 và công văn số 5559/UBCK-QLCB ngày 17/08/2023 của Ủy ban chứng khoán nhà nước (UBCK) về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của CTR.

Triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, HĐQT đã ban hành nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 10% và triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Tuy nhiên, phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 không được UBCK chấp thuận với lý do: Tại thời điểm 31/12/2022, Tổng Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với Công ty cổ phần xây dựng FLC Faros số tiền 23,6 tỷ đồng trên số dư nợ phải thu ngắn hạn 49,7 tỷ đồng là chưa đủ cơ sở xác định nguồn vốn phát hành để trả cổ tức. Sau khi giữ lại 26,5 tỷ đồng dự phòng cho phần công nợ chưa trích lập của Công ty cổ phần xây dựng FLC Faros, phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hết của năm 2022 sẽ chia cổ tức cho cổ đông. Tổng Công ty tiến hành rà soát và trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi đối với 100% dư nợ của Công ty cổ phần xây dựng FLC Faros vào năm 2023.

Để đảm bảo quyền lợi cho Cổ đông, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua điều chỉnh phương án trả cổ tức còn lại của năm 2022 nhằm chi trả kịp thời cho cổ đông như sau:

**I. Lợi nhuận năm 2022 đã phân phối theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022 VNĐ	%Vốn điều lệ	Ghi Chú
1	Vốn điều lệ hiện tại	1.143.858.790.000		
2	Tổng LNST dùng để phân phối của năm 2022	427.178.906.821	37,3%	<i>LNST chưa phân phối trên BCTC kiểm toán năm 2022 của công ty mẹ</i>
3	Tổng LN đã phân phối	181.143.879.000		
3.1	<i>Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>64.258.000.000</i>	<i>5,6%</i>	
3.2	<i>Trích thưởng BDH, HĐQT, BKS</i>	<i>2.500.000.000</i>	<i>0,2%</i>	
3.3	<i>Trả cổ tức bằng tiền mặt</i>	<i>114.385.879.000</i>	<i>10,00%</i>	<i>Ngày chốt quyền 30/6/2023 và ngày thanh toán cổ tức 31/7/2023.</i>
4	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối của năm 2022	246.035.027.821	21,51%	<i>NQ ĐHĐCĐ thường niên năm dùng số tiền này để chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 21,51%.</i>
5	Số tiền giữ lại dự phòng cho phần công nợ chưa trích lập	26.528.526.020		
6	Tổng số tiền lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 còn lại để chia cổ tức	219.506.501.801	19,19%	



## II. Điều chỉnh phương án trả cổ tức còn lại của năm 2022

1. Hủy bỏ phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ thực hiện 21,51%.

2. Dùng số tiền 219.506.501.801 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022 thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông với tỷ lệ 19,19% (1 cổ phiếu nhận 1.919 đồng). Tổng tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền: 29,19%, trong đó đã chi trả 10%, chưa chi trả 19,19%; Tỷ lệ cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu: 0%.

### 3. Tổ chức thực hiện

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định ngày đăng ký cuối cùng, ngày thanh toán chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền và giao cho Tổng Giám đốc Tổng Công ty tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**ĐỖ MẠNH HÙNG**



Số: 88/TTr-VCC

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2023

**TỜ TRÌNH LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN**  
**Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc chấp thuận Hợp đồng, giao dịch**  
**với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ hồ sơ mời thầu (HSMT) của các gói thầu Cung cấp dịch vụ thuê ngoài vận hành khai thác (VHKT) giai đoạn 2024-2026 của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội phát hành ngày 12/10/2023;

Căn cứ vào chiến lược kinh doanh đến năm 2025 và kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty.

Dịch vụ vận hành khai thác nhà trạm và ứng cứu thông tin lớp mạng truy nhập, quản lý đường dây thuê bao và triển khai mới khách hàng cố định băng rộng, kênh truyền được Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel cung cấp cho Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (sau đây gọi là Tập đoàn Viettel) từ năm 2017 đến nay theo hợp đồng ký kết từng năm. Tháng 10/2023, Tập đoàn Viettel tiến hành đấu thầu để lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT cho thời gian 03 năm từ năm 2024 đến năm 2026. Việc thay đổi thời gian thực hiện từ 01 năm lên 03 năm làm thay đổi tổng giá trị các gói thầu và những thay đổi này đã vượt phạm vi các nội dung đã được thông qua theo tờ trình chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Viettel tại ĐHĐCĐ thường niên tổ chức vào ngày 18/04/2023.

Trong 9 tháng đầu năm 2023, Vận hành khai thác là lĩnh vực mang lại 44% doanh thu và 34% lợi nhuận gộp cho Công ty mẹ. Bên cạnh đó, doanh thu và dòng tiền của lĩnh vực Vận hành khai thác đã giúp Tổng Công ty đảm bảo công việc và thu nhập cho hàng nghìn lao động.

Để đảm bảo thời gian đóng thầu, Tổng Công ty đã tiến hành tham gia 07 thầu cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026. Thông tin chung các gói thầu như sau:



TT	Thông tin của HSMT	Gói thầu						
		Gói 1	Gói 2	Gói 3	Gói 4	Gói 5	Gói 6	Gói 7
1	Phạm vi gói thầu	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 14 tỉnh trung du và miền núi phía Bắc.	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 15 tỉnh đồng bằng sông Hồng	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 10 tỉnh ven biển miền Trung	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 5 tỉnh Tây Nguyên	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 5 tỉnh Đông Nam Bộ	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại thành phố Hồ Chí Minh
2	Thời gian thực hiện hợp đồng	3 năm	3 năm	3 năm	3 năm	3 năm	3 năm	3 năm
3	Phạm vi công việc của gói thầu	Cung cấp dịch vụ vận hành khai thác nhà trạm, cố định băng rộng, kênh truyền	Cung cấp dịch vụ vận hành khai thác nhà trạm, cố định băng rộng, kênh truyền	Cung cấp dịch vụ vận hành khai thác nhà trạm, cố định băng rộng, kênh truyền	Cung cấp dịch vụ vận hành khai thác nhà trạm, cố định băng rộng, kênh truyền	Cung cấp dịch vụ vận hành khai thác nhà trạm, cố định băng rộng, kênh truyền	Cung cấp dịch vụ vận hành khai thác nhà trạm, cố định băng rộng, kênh truyền	Cung cấp dịch vụ vận hành khai thác nhà trạm, cố định băng rộng, kênh truyền
4	Giá trị của gói thầu (Tỷ đồng)	2.445,98	4.798,23	2.233,42	1.176,82	1.901,33	3.296,11	1.549,28
5	Hình thức hợp đồng	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông cho phép Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty ký kết hợp đồng luôn với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội/Chi nhánh nếu trùng các gói thầu trên với nội dung chính trong các hợp đồng như sau:

1. Đơn vị mà Tổng Công ty thực hiện giao dịch: Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội/Chi nhánh của Tập đoàn.
2. Phạm vi, nội dung công việc: Cung cấp dịch vụ vận hành khai thác nhà trạm, cố định băng rộng, kênh truyền (Tương tự nội dung các công việc hiện Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel đang triển khai/cung cấp).
3. Giá trị hợp đồng: Theo kết quả trúng các gói thầu.



- 4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 03 năm (Từ 2024 đến 2026).
- 5. Điều khoản khác: Cụ thể theo hợp đồng mẫu ban hành trong hồ sơ mời thầu đính kèm.

Hội đồng quản trị sẽ báo cáo kết quả việc ký kết các hợp đồng (nếu trúng thầu) tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**ĐỖ MẠNH HÙNG**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

**HỢP ĐỒNG**

**CUNG CẤP DỊCH VỤ VẬN HÀNH KHAI THÁC VÀ ỨNG CỨU THÔNG TIN LỚP MẠNG TRUY NHẬP, QUẢN LÝ ĐƯỜNG DÂY THUÊ BAO VÀ TRIỂN KHAI MỚI KHÁCH HÀNG CỐ ĐỊNH BĂNG RỘNG, KÊNH TRUYỀN**

Số: .....-ĐTTS/VTT-.....

Hôm nay, ngày ... tháng .... năm ..... tại trụ sở Tổng Công ty Viễn thông Viettel, thành phần chúng tôi gồm:

**BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ: TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG VIETTEL - CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI**

Địa chỉ :

Điện thoại :

Tài khoản :

Mở tại :

Mã số thuế :

Đại diện : Ông .....

Fax:

Chức vụ: .....

Sau đây gọi tắt là **“Bên sử dụng”** và/ hoặc **“Bên A”**

**BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ:** .....

Địa chỉ : .....

Điện thoại : .....

Tài khoản : .....

Mở tại : .....

Mã số thuế : .....

Đại diện: Ông .....

Chức vụ: .....

Sau đây gọi tắt là **“Bên cung cấp”** và/ hoặc **“Bên B”**

Bên A và Bên B sau đây được gọi là “Bên” hoặc gọi chung là “các bên” và/hoặc “hai bên”

*Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận hành khai thác, ứng cứu thông tin lớp mạng truy nhập, quản lý đường dây thuê bao và triển khai mới khách hàng cố định băng rộng, kênh truyền với các điều khoản sau:*

**ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT**

Trong trường hợp này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **“Hợp đồng”** là Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận hành khai thác, ứng cứu thông tin lớp mạng truy nhập, quản lý đường dây thuê bao và triển khai mới khách hàng cố định băng rộng, kênh truyền, phụ lục và các tài liệu kèm theo.

- **“Phụ lục Hợp đồng”** là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết.
- **“Dịch vụ”** là dịch vụ vận hành khai thác, ứng cứu thông tin lớp mạng truy nhập, quản lý đường dây thuê bao và triển khai mới khách hàng cố định băng rộng, kênh truyền, cụ thể:
  - + Dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, bảo quản, đo kiểm, kiểm tra, đánh giá hạ tầng viễn thông, phát triển hạ tầng mạng lưới và thực hiện các công việc quản lý khác theo yêu cầu của Bên A trong hợp đồng này, sau đây gọi tắt là “Dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin lớp mạng truy nhập”.
  - + Dịch vụ thực hiện công việc quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng CDBR tại ..., được quy định trong phạm vi Hợp đồng này.
  - + Dịch vụ vận hành khai thác, ứng cứu thông tin kênh truyền.
- **“Bên sử dụng/Bên A”** là Tổng Công ty Viễn thông Viettel.
- **“Đơn vị thụ hưởng dịch vụ”** là Tổng Công ty Viễn thông Viettel, Tổng Công ty mạng lưới Viettel, Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel.
- **“Khách hàng”** là đơn vị, cá nhân, tổ chức sử dụng dịch vụ trên mạng viễn thông, công nghệ thông tin của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.
- **“Người lao động”** là nhân viên của Bên B được giao thực hiện các nhiệm vụ, các công việc trong phạm vi Hợp đồng này.
- **“Viettel tỉnh/Thành phố”** là chi nhánh Viettel trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội có trụ sở tại các tỉnh/Thành phố.
- **“VHKT”** là viết tắt của cụm từ Vận hành khai thác.
- **“ƯCCTT”** là viết tắt của cụm từ Ứng cứu thông tin.
- **“GĐTT”** là viết tắt của cụm từ Giám đoạn thông tin.
- **“CCDC”** là viết tắt của cụm từ Công cụ dụng cụ.
- **“KPI”** là những chỉ tiêu đánh giá chất lượng công việc hoàn thành của Bên A quy định cho Bên B trong Hợp đồng.
- **“Port”** là công hạ tầng tại tập điểm cuối do Bên A triển khai bàn giao cho Bên B để cung cấp kết nối đến thiết bị đầu cuối trong nhà khách hàng.
- **“CDBR”** là viết tắt của cụm từ Cố định băng rộng, bao gồm các dịch vụ thuộc nhóm dịch vụ: Internet (ADSL, FTTH, EoC), Thoại (PSTN, IPPhone), Truyền hình, Camera, IoT...
- **“XLSC”** là viết tắt của cụm từ “Xử lý sự cố”.
- **“Thuê bao cố định”** là thuê bao sử dụng dịch vụ CDBR của Viettel.
- **“Đường dây thuê bao CDBR”** là đường dây kết nối từ Port tới thiết bị đầu cuối khách hàng, một đường dây thuê bao có thể cung cấp nhiều dịch vụ CDBR đồng thời như Internet, truyền hình, VoIP.
- **“Tổng số đường dây thuê bao duy trì CDBR”** của tháng N là tổng số các đường dây thuê bao đang hoạt động (có dịch vụ phát sinh cước hoặc phát sinh lưu lượng) tính đến thời điểm 24 giờ 00’ ngày cuối cùng của tháng N-1.



- **“Tổng số đường dây thuê bao triển khai mới CĐBR”** của tháng N là tổng số các đường dây thuê bao triển khai mới và các đường dây triển khai thay đổi địa chỉ lắp đặt được nghiệm thu trong thời gian từ ngày đầu tiên tới ngày cuối cùng của tháng N.
- **“Tài sản hữu hình”** là toàn bộ hạ tầng mạng lưới, nhà trạm, mạng ngoại vi, vật tư, hàng hóa, thiết bị, công cụ dụng cụ.
- **“Tài sản vô hình”** là thông tin về quy mô, quy hoạch, tham số, các chỉ tiêu kỹ thuật liên quan hệ thống hạ tầng mạng lưới; thông tin khách hàng; các giải pháp kỹ thuật; văn bản, tài liệu thuộc phạm vi bí mật Nhà nước.
- **“Mạng ngoại vi”** là bộ phận của mạng lưới viễn thông, nằm ngoài nhà trạm viễn thông, bao gồm cáp viễn thông được treo nổi, chôn trực tiếp, đi trong công bề, đi trong các đường hầm.
- **“Vị trí trạm”** là hạ tầng, thiết bị tính theo vị trí gồm các thiết bị di động, thiết bị CĐBR, thiết bị truyền dẫn, hệ thống nguồn và phụ trợ, phòng máy, cabin, cột phát sóng, tuyến cáp quang/đồng, tuyến viba. Cụ thể chia thành 6 loại vị trí trạm được định nghĩa chi tiết trong Phụ lục A 03.
- **“Địa hình”** là địa hình đã được phân loại trên nền bản đồ số Viettel đang sử dụng gồm 4 loại: đồng bằng, trung du, miền núi và sông nước.
- **“Vật tư phụ”**: là các vật tư đã bao gồm trong Đơn giá được quy định trong Hợp đồng do Bên B tự đảm bảo.
- **“Vật tư, thiết bị phục vụ triển khai mới, ứng cứu thông tin”**: là các vật tư, thiết bị phục vụ việc triển khai mới thuê bao, ứng cứu thông tin mà Bên A sẽ cấp cho Bên B hàng tháng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- **“Lực lượng kỹ thuật”** là nhân viên kỹ thuật của Bên B có nhiệm vụ thực hiện các công việc quản lý, vận hành, khai thác nhà trạm, mạng ngoại vi và ứng cứu thông tin dịch vụ viễn thông.
- **“WO”** là viết tắt của cụm từ **“Work Order”**, là phiếu đề nghị Bên B thực hiện một nhiệm vụ cụ thể.
- **“WO ảo”** là Không thực hiện công việc một phần hoặc toàn bộ hay chưa hoàn thành công việc nhưng vẫn báo cáo hoặc đóng TT/WO/SR là đã hoàn thành.
- **Hành vi gian lận:**
  - Sửa đổi, thay đổi dữ liệu, cập nhật nguyên nhân sai trên các hệ thống phần mềm, thay đổi hiện trường, sửa đổi, tác động vào thiết bị (cứng/mềm) nhằm làm sai lệch dữ liệu về KPI, mức độ dịch vụ, chi phí, đơn giá hoặc nhằm mục đích có lợi cho Bên B hay để Bên B không bị phạt.
  - Thực hiện sai so với hướng dẫn, yêu cầu, quy trình, quy định của Bên A như thay đổi ngưỡng cảnh báo, che cảnh báo, xóa cảnh báo, chụp ảnh sai, chụp ảnh thiếu, sửa chữa ảnh, đầu nổi sai, không lắp đặt, không đầu nổi, làm hỏng phần tử, thiết bị, hỏng không thay thế và các hành vi vi phạm khác nhằm làm sai lệch dữ liệu KPI, mức độ dịch vụ hay che đậy lỗi, che cảnh báo, xóa/làm mất cảnh báo/TT/WO, xóa dấu vết vi phạm.

- Điều hòa, máy phát điện, thiết bị không hoạt động bình thường, cần sửa chữa, hư hỏng nhưng không báo cho Bên A để sửa chữa, thay thế. Gian lận trong các hạng mục sửa chữa, thay thế (không thay nhưng báo thay). Không hỏng nhưng báo hỏng.
- “**Ngày**” được hiểu là ngày dương lịch, được tính liên tục (kể cả ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam).
- “**Ngày làm việc**” được hiểu là ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 7, không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- “**Sự cố đặc biệt nghiêm trọng**” là sự cố mất toàn bộ một trong các dịch vụ di động 2G, 4G hoặc internet cố định trên phạm vi cấp quận/ huyện, thành phố, thị trấn, thủ phủ tỉnh hoặc tổng cộng mất dịch vụ từ 60 từ thiết bị trở lên (di động 2G, 3G, 4G, 5G, OLT); Sự cố mất kết nối/dung lượng đường trục quốc gia, quốc tế; Sự cố mất cấp nguồn AC tổng trạm tỉnh, tổng trạm huyện, node trục quốc gia/ quốc tế từ 30 phút trở lên.
- “**Sự cố nghiêm trọng**” là các sự cố gây mất dịch vụ khách hàng hoặc suy giảm KPI/năng lực phần tử quan trọng của mạng lưới (mất, giảm dung lượng, nhảy kết nối chính trên thiết bị DWDM trục từ lớp huyện trở lên, thiết bị AGG, Core tỉnh, BRAS, cụm cache, các KPI dịch vụ bị suy giảm,...), hoặc sự cố có phản ánh khách hàng ở tất cả các cấp độ và phạm vi do lỗi chủ quan gồm:
  - + Tự ý tác động vào mạng lưới mà không được cấp có thẩm quyền của Bên A cho phép.
  - + Hoặc trong quá trình thi công, tác động vào mạng lưới nhưng không có các giải pháp, biện pháp đảm bảo an toàn tới hệ thống, thiết bị dẫn tới lỗi.
  - + Hoặc làm không đúng tài liệu hướng dẫn của nhà cung cấp thiết bị, không tuân thủ các quy trình, quy định, hướng dẫn của Bên A dẫn tới lỗi.
  - + Hoặc không tổ chức giám sát đối tác ngoài khi có kế hoạch hoặc khi có yêu cầu phối hợp. Không thực hiện tốt công tác phối hợp với các đối tác, cá nhân, đơn vị, tổ chức gây ra sự cố dịch vụ của Bên A.
  - + Hoặc không báo cáo, đề xuất cho Bên A để có các biện pháp ngăn ngừa để lỗi xảy ra khi đã biết có nguy cơ, rủi ro mất an toàn mạng lưới.

## **ĐIỀU 2. THÀNH PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng này bao gồm các thành phần sau:

### **2.1. Văn bản Hợp đồng**

### **2.2. Các phụ lục kèm theo Hợp đồng bao gồm:**

- **Phụ Lục A: Dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin lớp mạng truy nhập.**

- + Phụ lục A.01: Phạm vi công việc và yêu cầu kỹ thuật đối với dịch vụ vận hành khai thác mạng truy nhập.
- + Phụ lục A.02: Phạm vi công việc và yêu cầu kỹ thuật đối với dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng điều hòa, máy phát điện.
- + Phụ lục A.01.1: Danh mục lỗi, vi phạm mức độ dịch vụ và chế tài.
- + Phụ lục A.02.1: Danh mục lỗi vi phạm mức độ dịch vụ và chế tài đối với bảo dưỡng, sửa chữa điều hòa, máy phát điện.
- + Phụ lục A.02.2: Danh sách vị trí trạm BTS có thời gian di chuyển từ trung tâm huyện đến trạm  $\geq 1$  giờ.
- + Phụ lục A.03: Nguyên tắc và phương pháp điều chỉnh đơn giá trạm .
- + Phụ lục A.04: Đơn giá cung cấp dịch vụ
- + Phụ lục A.05: Khối lượng và giá trị dịch vụ.
- **Phụ lục B: Dịch vụ thực hiện công việc quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng CĐBR**
  - + Phụ lục B.01: Đơn giá cung cấp dịch vụ.
  - + Phụ lục B.02: Khối lượng và giá trị dịch vụ.
  - + Phụ lục B.03: Danh mục đầu việc cung cấp dịch vụ thuộc phạm vi hợp đồng và Danh mục vật tư đã bao gồm trong Đơn giá của Hợp đồng để đảm bảo thực hiện dịch vụ.
  - + Phụ lục B.04: Chỉ tiêu KPI đánh giá kết quả cung cấp dịch vụ duy trì dây thuê bao (bao gồm KPI về mặt kỹ thuật và KPI về việc triển khai thực hiện, giao diện với khách hàng).
  - + Phụ lục B.05: Chỉ tiêu KPI đánh giá kết quả cung cấp dịch vụ triển khai mới khách hàng CĐBR (bao gồm KPI về mặt kỹ thuật và KPI về việc triển khai thực hiện, giao diện với khách hàng).
  - + Phụ lục B.06: Tiêu chuẩn nhân sự, điều kiện đảm bảo cho người lao động.
  - + Phụ lục B.07: Các quy chuẩn, quy trình, quy định vận hành nhà mạng của Bên A.
  - + Phụ lục B.08: Yêu cầu nghiệm thu, phương pháp nghiệm thu, Hồ sơ nghiệm thu khối lượng và chất lượng dịch vụ.
  - + Phụ lục B.09: Quy trình phối hợp và trách nhiệm thực hiện các Bên.
  - + Phụ lục B.10: Tiêu chuẩn an toàn thông tin đối với hệ thống mạng máy tính.
- **Phụ lục C: Dịch vụ vận hành khai thác, ứng cứu thông tin kênh truyền**
  - + Phụ lục C.01: Đơn giá cung cấp dịch vụ.
  - + Phụ lục C.02: Khối lượng công việc và giá trị dịch vụ.
  - + Phụ lục C.03: Danh mục đầu việc cung cấp dịch vụ thuộc phạm vi hợp đồng và Danh mục vật tư đã bao gồm trong Đơn giá của Hợp đồng để đảm bảo thực hiện dịch vụ.

38c  
 NG T  
 IAN  
 RIN  
 TEL  
 TP. V

- + Phụ lục C.04: Chỉ tiêu KPI đánh giá kết quả cung cấp dịch vụ duy trì dây thuê bao (bao gồm KPI về mặt kỹ thuật và KPI về việc triển khai thực hiện, giao diện với Khách hàng).
  - + Phụ lục C.05: Chỉ tiêu KPI đánh giá kết quả cung cấp dịch vụ triển khai mới (bao gồm KPI về mặt kỹ thuật và KPI về việc triển khai thực hiện, giao diện với khách hàng).
  - + Phụ lục C.06: Tiêu chuẩn nhân sự, điều kiện đảm bảo cho người lao động.
  - + Phụ lục C.07: Các quy chuẩn, quy trình, quy định vận hành nhà mạng của Bên sử dụng dịch vụ.
  - + Phụ lục C.08: Yêu cầu nghiệm thu, phương pháp nghiệm thu, Hồ sơ nghiệm thu khối lượng và chất lượng dịch vụ.
  - + Phụ lục C.09: Quy trình phối hợp và trách nhiệm thực hiện các Bên.
  - + Phụ lục C.10: Tiêu chuẩn an toàn thông tin đối với hệ thống mạng máy tính.
- Các Phụ lục khác của Hợp đồng được lập theo yêu cầu công việc phát sinh thực tế tại từng thời điểm, giai đoạn dựa trên sự thỏa thuận, thống nhất của các bên.
  - Các bảng, Phụ lục trên là những phần không tách rời của Hợp đồng này. Trường hợp có mâu thuẫn giữa văn bản Hợp đồng và các bảng, Phụ lục thì văn bản Hợp đồng này sẽ được ưu tiên áp dụng trừ trường hợp Hợp đồng này có quy định khác về thứ tự ưu tiên.

### **ĐIỀU 3. PHẠM VI HỢP ĐỒNG**

#### **3.1. Nội dung, phạm vi hợp đồng:**

##### **3.1.1. Dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin lớp mạng truy nhập.**

Bên A đồng ý sử dụng và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin lớp mạng truy nhập quy định chi tiết tại phụ lục A.01, phụ lục A.02, phụ lục A.01.1, phụ lục A.02.1 phụ lục A.03 của hợp đồng này.

- Toàn bộ dịch vụ cung cấp bởi Bên B theo hợp đồng này đảm bảo hạ tầng mạng lưới của Bên A vận hành bình thường, đáp ứng tất cả các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, chỉ tiêu kỹ thuật, chỉ tiêu KPI, mức độ dịch vụ như quy định tại phụ lục A.01, phụ lục A.02, phụ lục A.01.1, phụ lục A.02.1. Đồng thời, Bên B có trách nhiệm tuân thủ các quy trình, quy định vận hành khai thác và an toàn lao động của Bên A.
- Bên A có thể chủ động điều chỉnh, cập nhật, bổ sung các quy trình, quy định, hướng dẫn vận hành khai thác và ứng cứu thông tin theo yêu cầu thực tế và thông báo cho Bên B trước 05 ngày.
- Tùy theo yêu cầu thực tế của việc đảm bảo chất lượng dịch vụ cho khách hàng, Bên A có thể điều chỉnh yêu cầu về KPI phù hợp.

Địa điểm cung cấp dịch vụ:

##### **3.1.2. Đối với Dịch vụ thực hiện công việc quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng CDBR và kênh truyền**

- Bên A đồng ý sử dụng và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng CĐBR tại .... tỉnh, thành phố. Dịch vụ quản lý đường dây thuê bao (sau đây gọi tắt là “Dịch vụ duy trì đường dây”) bao gồm vận hành khai thác, ứng cứu thông tin đường dây thuê bao (gồm đường dây GPON, AON, các dịch vụ cáp đồng và đường dây thuê bao trong tòa nhà) và thiết bị khách hàng. Dịch vụ phát triển mới khách hàng CĐBR (sau đây gọi tắt là “Dịch vụ triển khai mới khách hàng CĐBR”) bao gồm kéo dây, cài đặt, nghiệm thu dịch vụ, lắp đặt/cài đặt thêm dịch vụ trên đường dây có sẵn và các dịch vụ khác. Chi tiết quy định tại các Phụ lục của Hợp đồng này với danh mục vật tư đã bao gồm trong đơn giá được quy định tại Phụ lục B.03, C.03.
- Toàn bộ dịch vụ cung cấp bởi Bên B theo Hợp đồng này đảm bảo việc duy trì chất lượng dịch vụ, chất lượng triển khai mới đường dây thuê bao, đáp ứng tất cả các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, chỉ tiêu kỹ thuật, chỉ tiêu KPI... như quy định tại Phụ lục B.04, B.05, C.04, C.05. Đồng thời, Bên B có trách nhiệm tuân thủ các quy trình, quy định vận hành khai thác và an toàn lao động như quy định tại Phụ lục B.07, C.07 của Hợp đồng này. Bên B phải đảm bảo sử dụng các nhân sự phù hợp đáp ứng tiêu chuẩn, thực hiện đúng các chế độ, chính sách cho người lao động là các nhân sự tham gia thực hiện Hợp đồng này như quy định tại Phụ lục B.06, C.06.
- Bên A có thể điều chỉnh, cập nhật, bổ sung các quy trình, quy định vận hành khai thác và ứng cứu thông tin trong quá trình triển khai. Khi đó, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước 05 ngày.
- Hai Bên cùng hiểu và thừa nhận rằng, Bên B cung cấp dịch vụ theo Hợp đồng này nghĩa là người lao động của Bên B sẽ thay mặt Bên A tiếp xúc trực tiếp với Khách hàng của Bên A, trực tiếp thực hiện và cung cấp các dịch vụ của Bên A đến Khách hàng. Do đó, Bên B cam kết Người lao động của Bên B sẽ tuân thủ nghiêm ngặt, chặt chẽ các quy định, tác phong, hành vi theo đúng quy trình, nề nếp đưa ra theo quy định của Phụ lục B.07, C.07. Bên B có trách nhiệm đảm bảo sẽ cung cấp đầy đủ quyền lợi cho Người lao động của mình, tạo môi trường làm việc thoải mái, tác phong chuyên nghiệp, hành vi đúng mực, đúng quy định cho Người lao động của Bên B.
- Địa điểm cung cấp dịch vụ: ....

### 3.2. Loại hợp đồng:

- Loại hợp đồng: **Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.**
- Khối lượng công việc thực hiện theo thực tế bao gồm: số lượng đường dây, kênh truyền duy trì và triển khai mới hàng tháng, được hai bên nghiệm thu; Số vị trí trạm duy trì, số vị trí trạm triển khai mới; sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ máy phát điện, điều hòa; đóng gói, vận chuyển vật tư, thiết bị trong phạm vi hợp đồng từ các kho của Bên B tại các Viettel tỉnh/TP đến tổng kho Bên A tại 03 khu vực và ngược lại; vận chuyển liên tỉnh giữa các kho của Bên B.
- Căn cứ vào đặc điểm vận hành và nhu cầu thực tế, Bên A hoặc đơn vị thụ hưởng dịch vụ, ủy quyền cho Đại diện của Bên A là các Viettel tỉnh/TP chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng; kiểm tra, kiểm

soát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ, đối soát vật tư và tổng hợp khối lượng, giá trị thanh quyết toán hàng tháng với Bên B.

### 3.3. Thời gian thực hiện Hợp đồng: .....

## ĐIỀU 4. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

### 4.1. Tổng giá trị Hợp đồng tạm tính: ..... đồng.

(Bằng chữ: ...../.)

Trong đó:

- + Giá dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin lớp mạng truy nhập là .... đồng (Bằng chữ:...../.) chi tiết theo phụ lục A.
  - + Giá dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng CĐBR là ... đồng (Bằng chữ:...../.), chi tiết theo phụ lục B.
  - + Giá dịch vụ vận hành khai thác, ứng cứu thông tin kênh truyền là ... đồng (Bằng chữ:...../.), chi tiết theo phụ lục C.
- Tổng giá trị Hợp đồng nêu trên là giá trị tạm tính đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng, dựa trên đơn giá và khối lượng công việc ước tính theo từng tháng trong các năm 2024, 2025 và 2026. Trường hợp các quy định về thuế VAT có thay đổi, hai bên sẽ thống nhất và điều chỉnh theo quy định của pháp luật.
  - Tổng giá trị Hợp đồng thực thanh toán sẽ là tổng Giá trị thanh toán các tháng thực tế sau khi được hai Bên quyết toán như quy định tại Điều 5.
  - Đơn giá được tính toán trong Hợp đồng này đã bao gồm tất cả các chi phí để Bên B cung cấp Dịch vụ đầy đủ cho Bên A theo phạm vi Hợp đồng này và các loại thuế, phí, lệ phí liên quan theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bao gồm nhưng không hạn chế các chi phí lương, bảo hiểm, thuế thu nhập cá nhân... cho Người lao động của Bên B thực hiện các công việc của Hợp đồng này.
  - Đơn giá cung cấp dịch vụ được tính toán theo vị trí trạm, dây thuê bao, kênh truyền được hai Bên thống nhất xác định chi tiết theo phụ lục A, phụ lục B, phụ lục C của hợp đồng này.

### 4.2. Nguyên tắc tính toán khối lượng công việc hàng tháng

#### 4.2.1. Đối với dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin lớp mạng truy nhập

- Số lượng vị trí trạm giao thực hiện tháng N được xác định là số vị trí trạm tại thời điểm ngày cuối cùng của tháng N-1. Cụ thể: Số lượng vị trí trạm tại thời điểm ngày cuối cùng của tháng N-1 bằng số lượng vị trí tháng N-2 cộng với số lượng vị trí trạm tăng và trừ đi số lượng vị trí trạm giảm trong tháng N-1.
- Các vị trí trạm phát sinh mới trong tháng N, Viettel tỉnh/thành phố sẽ đại diện Bên A bàn giao cho Bên B, Bên B chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, trông coi, VHKT và UCTT với đầy đủ nghĩa vụ về KPI, mức độ dịch vụ. ... như các

vị trí đang VHKT khác. Giá trị cung cấp dịch vụ cho các vị trí trạm này sẽ chỉ được tính bắt đầu từ tháng N+1.

- Đối với các vị trí Bên A ngừng phát sóng hoặc chưa phát sóng trong tháng N thì Bên A sẽ thanh toán cho Bên B cho đến khi hoàn thành việc thu hồi. Giá trị dịch vụ cho các trạm này chỉ gồm chi phí trông coi nhà trạm, không gồm chi phí ứng cứu, khai thác bảo dưỡng.

#### 4.2.2. Đối với dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng CĐBR, kênh truyền

- “**Tổng số đường dây thuê bao duy trì CĐBR, kênh truyền**” của tháng N là tổng số các đường dây thuê bao đang hoạt động (có dịch vụ phát sinh cước hoặc phát sinh lưu lượng) tính đến thời điểm 24 giờ 00’ ngày cuối cùng của tháng N-1.
- “**Tổng số đường dây thuê bao triển khai mới CĐBR, kênh truyền**” của tháng N là tổng số các đường dây thuê bao triển khai mới và các đường dây triển khai thay đổi địa chỉ lắp đặt được nghiệm thu trong thời gian từ ngày đầu tiên tới thời điểm 24 giờ 00’ ngày cuối cùng của tháng N.
- “**Tổng số công việc lắp đặt/cài đặt thêm dịch vụ, thiết bị trên đường dây có sẵn**” của tháng N là tổng số các công việc lắp đặt/cài đặt thêm dịch vụ, thiết bị được nghiệm thu trong thời gian từ ngày đầu tiên tới ngày cuối cùng của tháng N.

#### 4.3. Giá trị hợp đồng trên chưa bao gồm các khoản chi phí nhân công, phương tiện, vật tư trong trường hợp sau:

- Theo yêu cầu của Bên A về việc điều động tăng cường, bổ sung khắc phục sự cố mất điện diện rộng, phòng chống, khắc phục hậu quả của thiên tai, Bên B sử dụng nhân công, phương tiện, vật tư của Bên B hoặc thuê, mua ngoài.

### ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

#### 5.1. Tạm ứng:

- Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 6 % tổng giá trị dịch vụ tạm tính từng năm (đã bao gồm VAT), mỗi năm tạm ứng 1 lần vào đầu năm, tương đương ..... đồng (Bằng chữ: ...../.)
- Thời gian tạm ứng lần đầu: trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng như quy định tại Điều 9 của Hợp đồng với điều kiện Hợp đồng đã được hai bên ký và đóng dấu.
- Thời gian tạm ứng lần hai, lần ba: trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được bảo lãnh tạm ứng tương đương giá trị tạm ứng như quy định tại Điều 9.2 Hợp đồng. Thời gian tạm ứng lần hai không sớm hơn tháng 1/2025, tạm ứng lần ba không sớm hơn tháng 1/2026.
- Số tiền tạm ứng sẽ được Bên A khấu trừ và thu hồi vào kỳ quyết toán tháng 11, tháng 12 hàng năm (tháng 11 thu hồi 50% giá trị tạm ứng và tháng 12 thu hồi 50 % giá trị tạm ứng còn lại).

#### 5.2 Về xác định giá trị dịch vụ sơ bộ hàng tháng

- Trước ngày 28 tháng N, hai bên hoàn thành ký xác nhận giá trị dịch vụ sơ bộ của tháng N. Hồ sơ xác nhận giá trị dịch vụ sơ bộ hàng tháng bao gồm:



- + Biên bản nghiệm thu sơ bộ hàng tháng.
- + Hóa đơn giá trị gia tăng.

### 5.3 Quyết toán và Thanh lý Hợp đồng

Việc thanh toán, quyết toán sẽ được Bên A và Bên B thực hiện độc lập theo từng dịch vụ: *Dịch vụ vận hành khai thác, ứng cứu thông tin mạng truy nhập; Dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng CDBR; dịch vụ vận hành khai thác, ứng cứu thông tin kênh truyền.*

#### 5.3.1 Quyết toán tháng

- Trước ngày 12 tháng N+1, hai bên hoàn thành ký biên bản nghiệm thu, quyết toán công việc của tháng N (kèm theo Biên bản đối soát vật tư, thiết bị ứng cứu thông tin, nhiên liệu do Bên A cấp).
- **Thanh toán:** Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 98% giá trị quyết toán tháng N (nêu trong biên bản nghiệm thu, quyết toán công việc tháng N) trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Biên bản nghiệm thu, quyết toán tháng N được ký bởi đại diện có thẩm quyền của hai Bên, đồng thời Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ như sau:
  - + Công văn đề nghị thanh toán tháng N.
  - + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc (ghi rõ giá trị, số lượng, khối lượng công việc, giá trị giảm trừ, phạt..., kèm biên bản chiết xuất từ hệ thống, các tài liệu chứng minh – nếu có về việc Bên B đã hoàn thành dịch vụ) ký bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên.
  - + Biên bản đối soát vật tư, thiết bị ứng cứu thông tin, nhiên liệu do Bên A cấp ký bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên.
  - + Các yêu cầu về báo cáo trong Phụ lục A01, Phụ lục A02, ...theo từng hạng mục công việc.
  - + Hóa đơn giá trị gia tăng.
  - + Công văn đề nghị thanh toán.

#### 5.3.2 Quyết toán quý (03 tháng)

- Muộn nhất vào ngày 25 tháng đầu tiên của quý N+1, hai bên sẽ thống nhất rà soát và quyết toán điều chỉnh/bổ sung đối với các giá trị chênh lệch (nếu có) và giá trị chưa thanh toán còn lại (2%) của các tháng trong quý N.
- **Thanh toán:** Giá trị quyết toán còn lại của **Quý N** sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày Biên bản nghiệm thu, quyết toán khối lượng công việc của **Quý N** được ký bởi đại diện có thẩm quyền của hai Bên, và Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ như sau:
  - + Công văn đề nghị thanh toán cho Quý N.
  - + Biên bản nghiệm thu, quyết toán khối lượng công việc của Quý N (trong đó xác định rõ giá trị, số lượng, khối lượng công việc được nghiệm thu, giá trị giảm trừ, phạt (nếu có)..., kèm Biên bản chiết xuất từ hệ thống, các tài liệu chứng minh (nếu có) về việc Bên B đã hoàn thành dịch vụ) ký bởi đại diện có thẩm quyền của hai Bên.
  - + Hóa đơn giá trị gia tăng bổ sung (nếu có).



- + Biên bản đối chiếu công nợ, vật tư, hàng hóa, thiết bị ứng cứu thông tin, nhiên liệu, công nợ tiền hàng, tiền cước do Bên A cấp tính tại ngày cuối cùng của tháng cuối mỗi quý và được ký bởi đại diện có thẩm quyền của hai Bên.
- + Biên bản quyết toán Quý cùng các giá trị quyết toán bổ sung còn chênh lệch của các tháng trước được ký bởi đại diện có thẩm quyền của hai Bên (theo mẫu quy định tại Phụ lục 10).
- + Biên bản thanh lý Hợp đồng (chỉ áp dụng cho lần thanh toán của 4/2026).

### 5.3.3. Thanh lý

Trong vòng 25 ngày kể từ ngày hợp đồng kết thúc, Bên B đối soát, bàn giao đầy đủ tài sản, vật tư thiết bị, phương tiện,... đang quản lý, vận hành cho Bên A, hai bên tổ chức thanh lý toàn bộ hợp đồng. Trong thời gian chờ hoàn thiện các thủ tục Bên B có trách nhiệm tiếp tục vận hành khai thác, ứng cứu thông tin phần hạ tầng mạng lưới chưa bàn giao cho đến khi hoàn thành bàn giao với nghĩa vụ KPI, mức độ dịch vụ, các điều khoản khác và đơn giá như trong hợp đồng đã ký (Bên A có văn bản yêu cầu).

### 5.4. Phương thức thanh toán và tài khoản người hưởng lợi:

- Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B theo phương thức chuyên khoản.
  - Tài khoản người hưởng lợi:
    - + Tên tài khoản: .....
    - + Số tài khoản: .....
    - + Mở tại .....
- Địa chỉ thanh toán trên đây là duy nhất và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng này.

## ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

### 6.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

- Bên A có quyền thực hiện giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình cung cấp dịch vụ ở mọi đơn vị, phân cấp của Bên B; và yêu cầu Bên B cung cấp mọi thông tin phục vụ cho việc kiểm tra, đánh giá như các kế hoạch, phiếu giao việc, quy trình, quy định, hướng dẫn ban hành nội bộ, báo cáo kết quả công việc, kế hoạch khắc phục các tồn tại, việc tổ chức, sắp xếp, đào tạo nhân sự, trình độ chuyên môn, độ tuổi, việc điều động, thưởng, phạt, thu nhập, chế độ xã hội phúc lợi của người lao động tham gia vào hợp đồng này,...
- Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế bất cứ nhân sự, kể cả đại diện của Bên B nếu người đó có hành vi phá hoại, không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng gây phương hại đến an toàn người, tài sản, uy tín của Bên A hoặc khách hàng của Bên A. Khi đó, Bên B phải chỉ định một người khác thích hợp để thay thế. Đồng thời, nhân sự đã vi phạm sẽ không được tiếp tục tham gia thực hiện bất kỳ hạng mục công việc nào liên quan đến Hợp đồng.
- Bên A có quyền từ chối, không nghiệm thu dịch vụ nếu phát hiện Bên B thực hiện các yêu cầu sai kỹ thuật, không phù hợp với các chỉ tiêu, yêu cầu kỹ thuật, các hướng dẫn của Bên A.

- Bên A có quyền thay đổi tần suất, khối lượng bảo dưỡng, sửa chữa điều hòa, máy phát, hay tạm dừng thực hiện các công việc khi phát hiện Bên B không tổ chức được bộ máy để thực hiện, không kiểm soát đảm bảo chất lượng dịch vụ, vẫn để xảy ra lỗi nghiêm trọng. Khi đó Bên A không có nghĩa vụ phải thanh toán, bồi thường cho Bên B đối với phần khối lượng công việc bị thay đổi, bị cắt giảm.
- Đối với các lỗi Bên B không khắc phục đúng thời gian đã thống nhất giữa hai bên hoặc khắc phục không đảm bảo chất lượng như yêu cầu thì Bên A có quyền đơn phương thuê đơn vị thứ ba để khắc phục. Mọi chi phí phát sinh để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả và được Bên A giảm trừ vào các đợt thanh toán.
- Bên A được quyền sử dụng bất kỳ công cụ, phương tiện, hình thức nào để tổ chức đánh giá, giám sát, nghiệm thu kết quả công việc và phát hiện ra lỗi vi phạm của Bên B (như kiểm tra hiện trường, kiểm tra qua hình ảnh thông qua log, event, alarm, KPI, ...) và không cần sự chứng kiến của Bên B hay biên bản hiện trường. Bên A thông báo cho Bên B về kết quả nghiệm thu và các vi phạm đã phát hiện ra, Bên B có 3 ngày để phản hồi nếu kết quả nghiệm thu, đánh giá không đúng hay các lỗi này không thuộc trách nhiệm của Bên B.
- Bên A có quyền sử dụng hình thức giao việc cho Bên B bằng văn bản, công cụ công nghệ thông tin (WO, SR -service request, TT -trouble ticket,...). Trường hợp không giao cụ thể thì được hiểu là Bên B phải chủ động hoàn toàn trong việc tổ chức thực hiện toàn bộ các nội dung công việc theo mức độ dịch vụ, KPI, các yêu cầu khác được quy định trong Hợp đồng này (bao gồm các phụ lục đi kèm hợp đồng). Việc đánh giá, nghiệm thu (kết quả công việc) hay xử phạt, giảm trừ giá trị thanh toán (theo kết quả công việc, chất lượng công việc) được áp dụng cho bất kỳ hình thức giao việc nào, bao gồm các việc không được giao bằng hình thức văn bản hoặc công cụ công nghệ thông tin.
- Cung cấp cho Bên B các tài liệu, thông tin về kỹ thuật, cách sử dụng, bảo quản vật tư, thiết bị trong phạm vi Hợp đồng nhằm phục vụ cho Bên B cung cấp dịch vụ tốt nhất.
- Cử nhân sự phối hợp xử lý kịp thời các phát sinh trong quá trình thực hiện hoặc trực tiếp xử lý đối với các lỗi ngoài phạm vi hạ tầng Bên B quản lý.
- Căn cứ theo kế hoạch công việc giao theo tháng, Bên A sẽ cung cấp các vật tư, hàng hóa, thiết bị UCTT và bàn giao đầy đủ, kịp thời cho Bên B để thực hiện cung cấp dịch vụ theo đúng quy định.
- Chịu trách nhiệm cung cấp các kết nối vào các hệ thống quản lý, giám sát mạng lưới (NIMS, Phần mềm tích hợp Đầu tư - Kho tàng - Tài sản, Thiết kế Tối ưu, Cơ điện, Quản lý công tác kỹ thuật,...) trong quá trình cung cấp dịch vụ.
- Bên A không có nghĩa vụ phải chứng minh các lỗi thuộc về Bên B trong mọi tình huống. Việc xử lý các vụ việc được thực hiện theo đúng các điều khoản cụ thể đã quy định trong hợp đồng này. Bên A có quyền từ chối hoặc chấp thuận các đề xuất giảm trừ, miễn trừ với các vi phạm, lỗi đã được Bên B khắc phục sau khi Bên A chỉ ra.

- Hỗ trợ Bên B thực hiện tuyển dụng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho nhân sự mới và đánh giá chuyên môn định kỳ với chi phí do Bên B chịu.
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B như quy định tại Hợp đồng này và Phụ lục khối lượng công việc theo tháng.

## **6.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B.**

- Bên B phải tuân thủ đúng các quy định, trách nhiệm, nghĩa vụ, cam kết trong hợp đồng này (bao gồm các bảng, phụ lục đi kèm hợp đồng). Bên B có nghĩa vụ chi trả mọi chi phí phát sinh để khắc phục các vi phạm do lỗi của Bên B gây ra.
- Cam kết các thông tin, tài liệu cung cấp cho Bên A trong quá trình đấu thầu và thực hiện Hợp đồng là trung thực, chính xác. Cam kết đảm bảo đáp ứng quy định về tư cách hợp lệ của nhà thầu, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu tại hồ sơ mời thầu do Bên A đưa ra trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng này. Vào bất kỳ thời điểm nào trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, nếu Bên A phát hiện Bên B cung cấp thông tin, tài liệu trong quá trình đấu thầu và thực hiện Hợp đồng là không trung thực, chính xác vì bất cứ lý do gì hoặc Bên B không đáp ứng năng lực, cam kết, điều kiện về tư cách hợp lệ của nhà thầu, kinh nghiệm của nhà thầu, Bên A có quyền yêu cầu Bên B chịu phạt vi phạm bằng 8% tổng giá trị Hợp đồng tạm tính theo quy định tại Điều 4, đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo Điều 15 và Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên A.
- Có trách nhiệm tổ chức bộ máy, nhân sự, phương tiện, công dụng cụ, phần mềm phải được tách riêng độc lập, chỉ dùng cho các công việc theo yêu cầu của Viettel.
- Bên B phải xây dựng, ban hành, kiểm tra, kiểm soát các quy trình, quy định, hướng dẫn nghiệp vụ nội bộ, các luồng vận hành phối hợp, hệ thống mẫu biểu để Bên B triển khai đảm bảo chất lượng và thời gian thực hiện công việc.
- Có trách nhiệm cung cấp dịch vụ cho Bên A đáp ứng tất cả các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, chỉ tiêu kỹ thuật, KPI theo đúng quy định; được phép cải tiến, sử dụng cách làm mới để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt hơn. Các biện pháp mới, hoặc cải tiến cần được trao đổi và thống nhất với Bên A trước khi triển khai thực hiện.
- Tổ chức bộ máy và đào tạo nhân sự phải tuân thủ nghiêm việc bảo mật an toàn thông tin. Trong trường hợp bị lọt lộ thông tin, Bên B phải chịu bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm trước pháp luật theo đúng quy định của pháp luật.
- Bên B chịu trách nhiệm và phải bồi thường đối với mọi sự mất mát, hư hỏng, thiếu hụt về tài sản, vật tư, thiết bị, công cụ dụng cụ được Bên A bàn giao để thực hiện hợp đồng. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và có hành động kịp thời để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hệ thống mạng lưới; trong trường hợp có mất mát, thiệt hại tài sản của Bên A hoặc bên thứ 3 (do cháy nổ, mất trộm, đổ cột, nhà trạm ngập lụt, ...) trong vòng 60 phút từ lúc phát hiện ra sự việc,

Bên B phải thông báo cho Bên A biết tình trạng, nguyên nhân và cách khắc phục sự việc. Bên B có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết vụ việc khi được yêu cầu.

- Sử dụng tài sản, vật tư, thiết bị do Bên A bàn giao đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất và đúng quy định của Bên A.
- Sử dụng tiền tạm ứng đúng mục đích, Bên A có quyền thu lại tiền tạm ứng nếu Bên B sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích phục vụ cho Hợp đồng này.
- Bên B hoặc nhân sự của Bên B (liên quan hoặc không liên quan đến quá trình cung cấp dịch vụ của hợp đồng) không được phép tự ý cho đơn vị thứ ba thuê, sử dụng chung hạ tầng mạng lưới, nhà trạm, hạ tầng mạng ngoại vi, vật tư, thiết bị, công cụ, dụng cụ, phương tiện đã bàn giao mà chưa được sự đồng ý của Bên A. Nếu vi phạm, Bên B có trách nhiệm đền bù thiệt hại do các hạng mục vi phạm gây ra theo Điều 14.
- Bên B có trách nhiệm tổ chức và vận hành bộ máy để luôn sẵn sàng tiếp nhận thêm quy mô. Tổ chức, điều động, điều hành bộ máy để thực hiện thêm các nhiệm vụ đột xuất trong các lễ hội, sự kiện, các tình huống phòng chống, khắc phục hậu quả của thiên tai hoặc các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Bên A.
- Bên B phải luôn có nguồn lực để sẵn sàng điều động, huy động khắc phục các vi phạm, lỗi thuộc trách nhiệm của Bên B đảm bảo KPI, mức độ dịch vụ, các yêu cầu khác trong hợp đồng. Mọi chi phí liên quan để đảm bảo KPI, mức độ dịch vụ, các yêu cầu khác trong hợp đồng này do Bên B chi trả.
- Cử nhân sự thực hiện có trình độ chuyên môn, có chứng chỉ phù hợp theo quy định của pháp luật, có kỹ năng và kinh nghiệm đáp ứng công việc được giao. Trong khi thực hiện các yêu cầu trong hợp đồng này thì Bên B chịu toàn bộ trách nhiệm pháp lý liên quan đến người lao động, phương tiện của Bên B.
- Bên B có trách nhiệm sử dụng các phần mềm do Bên A trang bị và đảm bảo để số liệu trên phần mềm và thực tế giống nhau.
- Có trách nhiệm đào tạo và giáo dục nhân sự có ý thức hoàn thành tốt nhiệm vụ, sáng tạo trong công việc, trách nhiệm bảo vệ tài sản, bảo vệ hình ảnh của Viettel, cách ứng xử văn hóa và chuyên nghiệp đối với khách hàng.
- Đảm bảo công cụ, dụng cụ, phương tiện và bảo hộ lao động cho nhân sự của Bên B để thực hiện các công việc theo hợp đồng đảm bảo chất lượng và an toàn lao động.
- Bên B phải thực hiện phân tích, đánh giá, tìm nguyên nhân của lỗi, vi phạm, sự cố trên mạng lưới và báo cáo theo yêu cầu của Bên A.
- 100% người lao động trước khi tham gia cung cấp dịch vụ phải được đào tạo, sát hạch đạt về trình độ chuyên môn, an toàn lao động, văn hóa phục vụ khách hàng; được trang bị smart phone, cài đặt và sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin do Bên A quy định. Bên B chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra đảm bảo thực hiện, tuân thủ đầy đủ các yêu cầu này.
- Bên B có trách nhiệm kiểm soát, ngăn chặn mọi hành vi gian lận về vật tư, nguyên, nhiên vật liệu dưới mọi hình thức; phối hợp đưa ra các giải pháp chống thất thoát năng lượng. Trong trường hợp vi phạm quy định này, Bên B sẽ phải chịu các chế tài như quy định tại Điều 14 của Hợp đồng.

- Quản lý và đảm bảo tính chính xác về cơ sở dữ liệu tài sản, hạ tầng mạng lưới trên các hệ thống được Bên A cấp quyền sử dụng (NIMS, Phần mềm tích hợp Đầu tư - Kho tàng - Tài sản, Quản lý công tác kỹ thuật, GNOC...).
- Bên B phải có hệ thống máy tính mạng nội bộ kết nối được đến hệ thống cơ sở dữ liệu của Bên A trong quá trình cung cấp dịch vụ. Tiêu chuẩn an toàn thông tin đối với hệ thống mạng máy tính của Bên B được quy định chi tiết tại phụ lục A.01, B.10, C.10 và phải tuân theo các tiêu chuẩn cụ thể được Bên A quy định tại từng thời điểm.
- Bên B vận hành khai thác và ứng cứu thông tin đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và KPI theo quy định của hợp đồng này với định mức vật tư, nguyên nhiên liệu do Bên A cung cấp. Trong trường hợp, Bên B quản lý, bảo quản không tốt hoặc sử dụng vượt quá định mức vật tư, nguyên nhiên liệu được cấp thì Bên B bằng chi phí của mình tự chịu trách nhiệm bổ sung để đảm bảo theo mức độ dịch vụ, KPI và các yêu cầu kỹ thuật của Hợp đồng.
- Bên B có trách nhiệm bồi thường và chịu tất cả các trách nhiệm pháp luật đối với các thiệt hại, khiếu nại, tố tụng (dân sự, hình sự), phạt hành chính, chi trả các chi phí liên quan tới bên thứ ba (là cá nhân, tổ chức) phát sinh từ quá trình thực hiện trách nhiệm của Bên B theo Hợp đồng này.
- Bên B có trách nhiệm báo cáo, giải trình, chứng minh trách nhiệm, lỗi thuộc về Bên B.

#### **ĐIỀU 7. YÊU CẦU ĐẢM BẢO VỀ NHÂN SỰ**

- Bên B cam kết rằng các nhân sự được cung cấp để thực hiện Hợp đồng này được đào tạo đầy đủ về chuyên môn và an toàn lao động, cách thức giao dịch, ứng xử với khách hàng hoặc chủ nhà có địa điểm thuê đặt nhà trạm, chính quyền địa phương, hoặc có đủ kỹ năng để xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện trong phạm vi công việc của mình.
- Bên A được quyền kiểm tra, giám sát việc đào tạo, huấn luyện của Bên B đối với người lao động tham gia cung cấp dịch vụ theo Hợp đồng này.
- Bên B cam kết đáp ứng các yêu cầu chi tiết về nhân sự được quy định chi tiết tại phụ lục A01, B.06, C.06 của Hợp đồng này.
- Bên B cam kết đảm bảo thực hiện đầy đủ chính sách, quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật.
- Bên B phải xây dựng, tổ chức bộ máy đủ về năng lực, đủ về số lượng nhân sự để điều hành, kiểm soát được chất lượng công việc, phát hiện ra được các lỗi, các vi phạm nề nếp vận hành khai thác, các tồn tại trên mạng lưới. Báo cáo kết quả thực hiện hàng tháng và/hoặc theo yêu cầu đột suất từ Bên A.
- Bên B phải đảm bảo đủ về nhân sự cả số lượng và chất lượng để thực hiện được khối lượng công việc đáp ứng các KPI, mức độ dịch vụ và các yêu cầu khác trong hợp đồng. Phải có báo cáo, giải trình cho Bên A và chịu trách nhiệm khắc phục khi để xảy ra thiếu nhân sự có chuyên môn, năng lực thực hiện hợp đồng.
- Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các việc liên quan đến người lao động của Bên B trong quá trình thực hiện các yêu cầu của Hợp đồng này.

753

 ÔNG  
 HÃN  
 TRIN  
 TEL  
 (P. H)

- Bên B chịu trách nhiệm đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tự nguyện cho người lao động là những nhân sự tham gia thực hiện Hợp đồng theo quy định của pháp luật.
- Trong trường hợp mất an toàn lao động, gây thiệt hại về người hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người lao động, Bên B phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

#### **ĐIỀU 8. KIỂM TRA, NGHIỆM THU**

- Bên A trực tiếp thực hiện, hoặc các đơn vị thụ hưởng dịch vụ, hoặc giao/ủy quyền cho đại diện của Bên A tại Viettel tỉnh/Thành phố thay mặt Bên A kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện, cung cấp dịch vụ của Bên B (bao gồm: Chất lượng dịch vụ; chỉ tiêu kỹ thuật; KPI; chỉ tiêu hiệu quả thực hiện; quy trình thực hiện; chất lượng nhân sự; chất lượng quản lý vật tư, thiết bị, nhiên liệu, các yêu cầu khác trong hợp đồng,...). Đồng thời phối hợp cùng Bên B thực hiện nghiệm thu khối lượng, chất lượng công việc hoàn thành, ký các hồ sơ, chứng từ theo quy định; phối hợp giải quyết các công việc phát sinh khác tại địa phương (nếu có). Các Bên sẽ thực hiện các bước kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu dịch vụ theo các tiêu chí, phương pháp quy định chi tiết tại các của Hợp đồng này.
- Bên A được quyền tổ chức các đoàn kiểm tra, kiểm soát việc vận hành khai thác của Bên B tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trước khi kiểm tra, Bên A gửi văn bản cho Bên B trước 03 ngày để phối hợp.
- Bên B phải có trách nhiệm phối hợp cùng nhân sự của Bên A để tiến hành các hoạt động kiểm tra, nghiệm thu theo đúng quy định Hợp đồng.
- Trước ngày 28 tháng N hai bên hoàn thành ký biên bản nghiệm thu sơ bộ công việc của tháng N.
- Trước ngày 12 tháng N+1, hai bên thực hiện tổng hợp, ký hồ sơ nghiệm thu tổng thể khối lượng và chất lượng dịch vụ Bên B cung cấp trong tháng N.

#### **ĐIỀU 9. BẢO ĐẢM HỢP ĐỒNG**

##### **9.1. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng**

- Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B phải nộp cho Bên A một (01) Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng bằng hai phần trăm (02%) tổng giá trị Hợp đồng tạm tính và có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến hết một (01) tháng sau ngày hai Bên ký Biên bản thanh lý Hợp đồng. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng này là để bảo đảm cho tất cả các nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên B được quy định trong Hợp đồng và các Phụ lục sửa đổi của Hợp đồng (nếu có) được ký bởi các Bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Trường hợp Bên B không nộp Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên A có quyền đơn phương hủy Hợp đồng mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào theo quy định của Hợp đồng này.
- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng phải được cấp bởi một Ngân hàng uy tín của Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Bảo lãnh được thực hiện bằng cách phát hành bảo đảm ngân hàng, vô điều kiện và không hủy ngang theo mẫu được Bên A chấp thuận.

- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả lại Bên B trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hết hiệu lực của Bảo lãnh hoặc Bảo lãnh sẽ tự động được giải tỏa sau một (01) tháng kể từ ngày hai Bên ký Biên bản nghiệm thanh lý Hợp đồng.
- Trong mọi trường hợp, nếu Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng hết hiệu lực trước ngày Biên bản thanh lý Hợp đồng dự kiến được ký thì Bên B sẽ có trách nhiệm gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo lãnh đến thời điểm dự kiến ký Biên bản thanh lý Hợp đồng thêm tối thiểu (01) tháng cho mỗi lần gia hạn. Mọi chi phí liên quan đến việc gia hạn bảo lãnh sẽ do Bên B chịu.
- Nếu Bên B không thực hiện Hợp đồng hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A thì số tiền Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng này sẽ phải được trả ngay cho Bên A khi có yêu cầu của Bên A. Tất cả các chi phí đối với việc Bảo lãnh này do Bên B chịu.

### 9.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng

- Bên B phải nộp cho Bên A Bảo lãnh tạm ứng bằng 100% tổng giá trị tạm ứng, cụ thể:
  - + Bảo lãnh tạm ứng lần 1: sau khi ký hợp đồng, Bên B nộp cho Bên A 01 bảo lãnh tạm ứng bằng sáu phần trăm (06%) tổng giá trị dịch vụ tạm tính năm đầu tiên. Bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến hết 10 ngày khi hai bên quyết toán quý 4 năm đầu tiên.
  - + Bảo lãnh tạm ứng lần 2, lần 3: Bên B nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng tương đương sáu phần trăm (06%) tổng giá trị dịch vụ tạm tính năm 2025, năm 2026. Bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến hết 10 ngày khi hai bên quyết toán quý 4 hàng năm.
- Bảo lãnh tạm ứng phải được cấp bởi một Ngân hàng uy tín của Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Bảo lãnh được thực hiện bằng cách phát hành bảo đảm ngân hàng, vô điều kiện và không hủy ngang theo như mẫu “Mẫu Bảo lãnh tạm ứng” của Ngân hàng và được Bên A chấp thuận.
- Bảo lãnh tạm ứng sẽ được trả lại Bên B trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hết hiệu lực của Bảo lãnh hoặc Bảo lãnh sẽ tự động được giải tỏa sau (10) ngày kể từ ngày hai Bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng.
- Trong mọi trường hợp, nếu Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực trước ngày hai Bên ký Biên bản Thanh lý hợp đồng, thì Bên B sẽ có trách nhiệm gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo lãnh thêm tối thiểu (01) tháng cho mỗi lần gia hạn. Mọi chi phí liên quan đến việc gia hạn bảo lãnh sẽ do Bên B chịu.
- Nếu Bên B không thực hiện Hợp đồng hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng, không sử dụng tiền tạm ứng đúng mục đích theo quy định của Hợp đồng mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A và/hoặc Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng bị hủy theo thỏa thuận của hai Bên thì số tiền Bảo lãnh tạm ứng phải được trả ngay cho Bên A khi có yêu cầu của Bên A.
- Tất cả các chi phí đối với việc Bảo lãnh này phải do Bên B chịu.



## **ĐIỀU 10. GIAO/NHẬN VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN HẠ TẦNG MẠNG LƯỚI, VẬT TƯ, THIẾT BỊ VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ**

- Đại diện của Bên A hoặc các chi nhánh Viettel tỉnh/Thành phố đại diện Bên A sẽ bàn giao trách nhiệm quản lý tài sản hạ tầng mạng lưới, vật tư, thiết bị và công cụ dụng cụ (nếu có) cho Bên B. Việc giao nhận sẽ được hai bên lập thành biên bản, đóng dấu hai bên. Bên B có trách nhiệm tiếp nhận theo thời gian được thông báo trước, đảm bảo tài sản, hạ tầng mạng lưới của Bên A luôn được giám sát, quản lý.
- Bên B phải đảm bảo nhân sự, phương tiện để kiểm đếm, tiếp nhận bàn giao tài sản, hạ tầng mạng lưới, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thiết bị theo thời gian Bên A yêu cầu để sẵn sàng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng này.
- Đối với vật tư, hàng hóa, thiết bị UCTT cho dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin lớp mạng truy nhập:
  - + Bên A giao và Bên B nhận vật tư, thiết bị UCTT tại tổng kho ở 3 khu vực của Bên A. Bên B chịu mọi trách nhiệm và chi phí liên quan đến công tác vận chuyển và bảo quản vật tư, thiết bị ngay sau khi nhận bàn giao.
  - + Đối với các vật tư, thiết bị UCTT vượt hoặc thiếu so với nhu cầu thực tế, Bên B cân đối và tự điều chuyển giữa các kho của Bên B để đảm bảo vận hành, ứng cứu thông tin. Chi phí điều chuyển giữa các kho thuộc nội tỉnh/TP do Bên B chịu. Chi phí điều chuyển giữa các kho của các Viettel tỉnh/TP do Bên A chịu. Bên B có nghĩa vụ cung cấp báo cáo cho Bên A về hiện trạng vật tư thiết bị UCTT hàng tháng hoặc/và theo yêu cầu đột suất của Bên A.
  - + Đối với các vật tư, thiết bị do Bên B sử dụng trong quá trình vận hành khai thác thuộc phạm vi hợp đồng: Bên B phải thông báo cho Bên A về kế hoạch bàn giao và nhập kho ngay sau khi hoàn thành công việc tại hiện trường. Bên A có trách nhiệm cử nhân sự phối hợp với Bên B để tiếp nhận, nhập kho.
- Đối với vật tư, hàng hóa, thiết bị UCTT cho dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng CĐBR và kênh truyền:
  - + Bên A giao và Bên B nhận vật tư, hàng hóa, thiết bị UCTT tại kho/địa điểm của Viettel tỉnh/Thành phố. Bên B chịu mọi trách nhiệm và chi phí liên quan đến công tác vận chuyển và bảo quản vật tư, thiết bị ngay sau khi Bên A bàn giao cho Bên B.
  - + Đối với vật tư, hàng hóa, thiết bị UCTT do Bên A cấp: Bên A sẽ bàn giao cho Bên B để đảm bảo cho Bên B cung cấp dịch vụ theo quy định. Bên B cử nhân sự phối hợp Viettel tỉnh/Thành phố giao nhận, kiểm tra vật tư, hàng hóa, thiết bị theo lịch đã thông báo trước. Sau khi nhận vật tư, hàng hóa, thiết bị Bên B chịu trách nhiệm bảo quản, sử dụng đúng: mục đích, quy trình, quy định.
  - + Nếu vật tư, hàng hóa, thiết bị tồn tại kho Bên B không đảm bảo thì Bên B thông báo ngay cho Bên A và hai bên phối hợp thực hiện bàn giao bổ



sung trên cơ sở thực tế sử dụng, đồng thời lập biên bản bàn giao vật tư, hàng hóa thiết bị.

- Mọi sự bàn giao tài sản quy định trong hợp đồng này không đồng nghĩa với việc chuyển giao quyền sở hữu tài sản của Bên A cho Bên B. Bên A là chủ sở hữu duy nhất đối với các tài sản này.
- Bên B có trách nhiệm bàn giao tài sản đã nhận tới người quản lý tài sản trực tiếp. Trường hợp có sự biến động về tài sản, Bên B phải thực hiện cập nhật lại hiện trạng tài sản lên các phần mềm của Bên A. Trong trường hợp nhân sự nghỉ việc hay luân chuyển, Bên B phải thực hiện kiểm kê và bàn giao lại tài sản cho nhân sự mới.
- Bên B phải có bộ máy thực hiện kiểm soát, quản lý các tài sản đã được bàn giao. Bên B chịu trách nhiệm giải trình, báo cáo mọi số liệu liên quan tới các tài sản đã nhận bàn giao, trường hợp Bên A kiểm tra, kiểm kê tài sản đột suất hay định kỳ tại vị trí theo báo cáo của Bên B mà không có tài sản thì được hiểu là Bên B đã làm mất tài sản của Bên A.
- Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường đối với mọi sự hư hỏng, thiếu hụt, thất lạc, mất về vật tư, thiết bị, tài sản của Bên A sau khi nhận bàn giao. Ngoài ra, Bên B phải chịu mọi chi phí để khắc phục các vấn đề do việc thiếu hụt, hư hỏng, mất tài sản gây ra cho Bên A. Bên A có thể sử dụng đánh giá so sánh về công suất, dung lượng, khả năng sử dụng còn lại của thiết bị, tài sản tương đương (cùng chủng loại, cùng chức năng, năm vận hành,...) để làm cơ sở cho việc thẩm định giá tài sản đã bị hỏng, mất.
- Kết thúc hợp đồng Bên B phải bàn giao lại toàn bộ tài sản, vật tư thiết bị đã tiếp nhận (kể cả phần tăng và giảm) cho Bên A.

#### **ĐIỀU 11. ĐỐI SOÁT VẬT TƯ, HÀNG HÓA, THIẾT BỊ, NHIÊN LIỆU**

- Bên B có trách nhiệm đảm bảo nhiên liệu để vận hành các trạm theo đúng định mức, quy trình, quy định của Bên A và hai bên sẽ tiến hành đối soát, thanh toán chi phí nhiên liệu theo thực tế.
- Với trường hợp điện năng tiêu thụ thực tế vượt quá 120 % so với định mức thì Bên B chịu phần chi phí vượt quá ngưỡng này.
- Trước ngày 12 tháng N+1, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra, đối soát và quyết toán vật tư, hàng hóa, thiết bị, công nợ với Bên B về số lượng, chủng loại, chất lượng đã sử dụng trong tháng N. Nội dung và kết quả đối soát được hai bên lập thành biên bản đối soát, quyết toán theo mẫu quy định.
- Đối với vật tư, hàng hóa, thiết bị được cấp nhưng chưa sử dụng trong tháng N sau khi đối soát sẽ được chuyển sang tháng N+1 để Bên B tiếp tục quản lý, sử dụng. Số lượng chuyển sang sẽ được bù trừ vào định mức vật tư, hàng hóa, thiết bị Bên A phải bàn giao cho Bên B trong tháng N+1.
- Hai Bên thống nhất, việc thu hồi vật tư, hàng hóa, đối soát, quyết toán sẽ được hai Bên quyết toán theo từng quý, năm. Biên bản đối soát vật tư, hàng hóa, thiết bị ứng cứu thông tin, nhiên liệu do Bên A cấp, đối soát tài sản cho quý, năm sẽ là cơ sở để thanh toán như quy định tại Điều 5 của Hợp đồng.
- Hai Bên thống nhất, việc đối soát công nợ, vật tư, hàng hóa, thiết bị sẽ được hai Bên thực hiện theo tháng, quyết toán theo từng quý, năm và thu hồi (vật

lý) vật tư, hàng hóa thiết bị vào tháng cuối cùng của Hợp đồng, trước khi Hai Bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng.

## **ĐIỀU 12. AN TOÀN LAO ĐỘNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ.**

### **12.1. An toàn lao động**

- Bên B phải chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động, người dân và tài sản của Bên A, tài sản của cá nhân, tổ chức khác trong quá trình cung cấp dịch vụ.
- Các biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện/thông báo tại các địa điểm, vị trí cung cấp dịch vụ, nơi dễ quan sát thấy để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm, Bên B phải tổ chức để phát hiện kịp thời, bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn, triển khai các giải pháp ngăn ngừa tai nạn.
- Bên B có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của Bên B. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động theo quy định của pháp luật.
- Bên B có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động của Bên B.
- Bên B chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát thi công, tuân thủ công tác an toàn lao động, nếu để xảy ra vi phạm về an toàn lao động phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Khi có sự cố về an toàn lao động, Bên B có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do không bảo đảm an toàn lao động gây ra.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu phát hiện nguy cơ mất an toàn, nguy cơ xảy ra sự cố công trình ảnh hưởng đến an toàn tính mạng, công trình lân cận và cộng đồng thì Bên B có trách nhiệm:
  - + Kịp thời yêu cầu dừng thi công, vận hành, khai thác, sử dụng công trình và thực hiện các biện pháp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản.
  - + Thực hiện các biện pháp cần thiết để hạn chế và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể xảy ra đối với công trình; thông báo kịp thời cho tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có liên quan.
  - + Bảo vệ hiện trường, trừ trường hợp phải khắc phục khẩn cấp để ngăn chặn thiệt hại.
  - + Kịp thời thông báo cho chủ đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền phối hợp xử lý.

- + Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thiệt hại đối với sự cố công trình do không thực hiện đúng quy định hợp đồng.

### 12.2. Bảo vệ môi trường

- Bên B phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về an toàn lao động cho người lao động và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.
- Bên B phải bảo vệ môi trường xung quanh các vị trí cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật trong phạm vi công việc của hợp đồng.
- Các Bên cùng phải có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp Bên B không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Bên A, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền yêu cầu Bên B tạm ngừng cung cấp dịch vụ và Bên B phải khắc phục đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường.
- Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thực hiện hợp đồng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

### 12.3. Phòng chống cháy nổ:

- Bên B phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ và các quy định, quy trình, hướng dẫn về PCCC tại địa điểm của Bên A, để đảm bảo không xảy ra cháy, nổ tại địa điểm thực hiện dịch vụ. Bên B chịu trách nhiệm tổ chức đào tạo, huấn luyện, thi lấy chứng chỉ theo quy định về phòng chống cháy nổ cho toàn bộ người lao động tham gia cung cấp dịch vụ.
- Ngoại trừ các lý do bất khả kháng, Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A bao gồm nhưng không giới hạn tài sản, vật tư, thiết bị được Bên A bàn giao để thực hiện dịch vụ trong trường hợp nguyên nhân cháy nổ do lỗi thuộc về Bên B.

### ĐIỀU 13. BẢO MẬT, AN TOÀN THÔNG TIN, DỮ LIỆU CÁ NHÂN.

- Mỗi bên sẽ giữ bí mật và không cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào (ngay cả khi hợp đồng này đã hết hiệu lực) các thông tin về: Điều kiện, điều khoản của hợp đồng này (bao gồm cả các phụ lục); tất cả các thông tin trao đổi giữa hai bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn: thông tin về tài chính, nhân sự, kinh doanh, kỹ thuật và các thông tin khác mà một bên cung cấp cho bên còn lại, trừ việc Bên B thực hiện nghĩa vụ với ngân hàng (khi cung cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng) các trường hợp khác việc tiết lộ thông tin phải được Bên kia đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.
- Bên B và nhân sự của Bên B phải giữ bí mật, không chia sẻ, không để lộ (phải có biện pháp, giải pháp để kiểm soát) cho bất kỳ cá nhân nào không liên quan tới nhiệm vụ trong hợp đồng này hoặc bên thứ ba nào bao gồm nhưng không giới hạn: Các tài liệu được duyệt liên quan đến quy mô, quy hoạch, tham số,

- các chỉ tiêu kỹ thuật liên quan hệ thống hạ tầng mạng lưới; các giải pháp kỹ thuật; văn bản, tài liệu thuộc phạm vi bí mật Nhà nước; chính sách, kế hoạch và báo cáo kinh doanh, thông tin tài chính, kế hoạch đầu tư, các thông tin liên quan tới khách hàng, dịch vụ và nhà cung cấp, thông tin khoa học hoặc kỹ thuật, các bản quy hoạch, thiết kế, quy trình, quy định, hướng dẫn, công thức, lưu đồ, báo cáo, dữ liệu, bí quyết, phần mềm máy tính, mã nguồn, các loại cơ sở dữ liệu, bí mật thương mại, biên bản ghi nhớ, bản phân tích, báo cáo, biên bản, tài liệu, cẩm nang và bất kỳ thông tin, tài liệu nào khác do Bên A cung cấp cho Bên B hoặc Bên B thu thập được trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Nghiêm cấm Bên B hoặc nhân sự của Bên B có hành vi tác động/truy nhập trái phép vào hệ thống thiết bị, cơ sở dữ liệu hạ tầng mạng lưới, cơ sở dữ liệu/thông tin khách hàng. Bên B phải tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ theo Nghị định 13/2023/NĐ – CP của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định của pháp luật khác về dữ liệu cá nhân.
  - Bên B phải tổ chức mạng máy tính độc lập với phần còn lại của đơn vị mình, triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin, chống tấn công, lấy cắp dữ liệu của Bên A từ bên ngoài hoặc từ nội bộ của Bên B, và phải chứng minh các giải pháp này là hiệu quả tại bất kỳ thời điểm nào Bên A thực hiện kiểm tra.
  - Bên B không được phép tiết lộ hoặc chia sẻ, trao đổi dữ liệu, cơ sở dữ liệu khách hàng, mạng lưới, thông tin về nhiệm vụ, công việc với những cá nhân không nằm trong danh sách nhân sự đã được Viettel phê duyệt tham gia thực hiện hợp đồng.
  - Trong trường hợp một bên (Bên Bị vi phạm) phát hiện bên kia (bên vi phạm) tiết lộ thông tin dưới bất kỳ hình thức nào thì Bên Bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, đồng thời tùy thuộc vào mức độ, Bên Bị vi phạm sẽ khởi kiện bên vi phạm ra tòa nếu việc tiết lộ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình sản xuất kinh doanh hoặc làm tổn hại đến uy tín của Bên Bị vi phạm.

#### **ĐIỀU 14. ĐIỀU KHOẢN PHẠT VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

Bên vi phạm hợp đồng phải chịu phạt, bồi thường thiệt hại và phải chịu mọi chi phí để khắc phục hậu quả trừ trường hợp bất khả kháng như quy định trong Điều 17. Trong đó, tổng số tiền phạt trong phạm vi của một dịch vụ không vượt quá 8% tổng giá trị của dịch vụ đó (dịch vụ vận hành khai thác mạng truy nhập, dịch vụ CDBR, dịch vụ kênh truyền).

Quy định phạt cụ thể như sau:

- 14.1.** Bên vi phạm hợp đồng phải chịu phạt và bồi thường thiệt hại cho bên kia do sự vi phạm hợp đồng gây ra trừ trường hợp bất khả kháng như quy định tại Điều 17. Trong đó, tổng giá trị phạt hàng tháng không vượt quá 8% tổng giá trị quyết toán tháng.
- 14.2.** Nếu một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không thuộc những trường hợp được đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định thì phải chịu phạt 8% tổng giá trị hợp đồng tạm tính theo quy định tại Điều 4.

- 14.3. Khi một bên vi phạm hợp đồng, bên kia có quyền gửi yêu cầu đòi tiền phạt và/hoặc bồi thường thiệt hại (trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác). Bên vi phạm có trách nhiệm trả tiền phạt và bồi thường trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu đòi tiền phạt và/hoặc bồi thường. Nếu quá thời hạn trên, bên vi phạm phải chịu lãi suất trả chậm trên số tiền phạt theo mức lãi suất cho vay doanh nghiệp kỳ hạn 1 năm của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm đó, kể từ thời điểm đáo hạn thanh toán cho đến thời điểm thanh toán thực tế.
- 14.4. Trường hợp Bên B để xảy ra:
- Sự cố đặc biệt nghiêm trọng thì Bên B phải chịu phạt bằng 5%/1 lỗi và tính trên tổng giá trị quyết toán của tháng vi phạm và bồi thường thiệt hại cho Bên A. Áp dụng tại Tỉnh/TP, nơi xảy ra sự cố.
  - Sự cố nghiêm trọng thì Bên B phải chịu phạt bằng 1%/1 lỗi và tính trên tổng giá trị quyết toán của tháng vi phạm và bồi thường thiệt hại cho Bên A. Áp dụng tại Tỉnh/TP, nơi xảy ra sự cố.
- 14.5. Nếu Bên B không đảm bảo thực hiện các nội dung công việc theo đúng yêu cầu KPI hàng tháng do Bên A quy định thì Bên B sẽ phải khắc phục phần công việc chưa đạt yêu cầu, đồng thời bị giảm trừ giá trị thanh toán như quy định tại các phụ lục của Hợp đồng. Trường hợp có xung đột về giá trị, điều kiện giảm trừ, phạt thì ưu tiên áp dụng theo phụ lục A.01, phụ lục A.02, phụ lục A.01.1, phụ lục A02.1, phụ lục B.04, phụ lục B.05, phụ lục C.04, phụ lục C.05.
- 14.6. Đối với dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng CDBR và kênh truyền, nếu Bên B thực hiện dịch vụ không đảm bảo chất lượng, điểm KPI dưới 80 điểm trong thời gian 2 tháng liên tiếp trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố thì Bên A có quyền chấm dứt sử dụng dịch vụ và 02 bên sẽ thoả thuận về mức bồi thường thiệt hại (nếu có).
- 14.7. Trường hợp Bên A đã gửi văn bản đến lần thứ 2 yêu cầu Bên B thực hiện khắc phục việc vi phạm bất kỳ nghĩa vụ, trách nhiệm nào được quy định trong hợp đồng này mà Bên B vẫn chưa hoàn thành việc khắc phục thì Bên B phải chịu phạt bằng 1%/1 lỗi và tính trên tổng giá trị quyết toán của tháng, tính từ tháng vi phạm đầu tiên. Trường hợp vi phạm chưa được Bên B khắc phục trong các tháng tiếp theo, Bên B tiếp tục chịu phạt vi phạm ở các tháng tiếp theo này theo nguyên tắc giá trị phạt của tháng sau bằng 2 lần giá trị phạt của tháng trước liền kề. Áp dụng tại tỉnh/TP, nơi xảy ra vi phạm.
- 14.8. Nếu Bên B vi phạm Điều 13 về quy định bảo mật, an toàn thông tin, thì Bên B phải chịu phạt 8% giá trị quyết toán (của tháng vi phạm) theo mức tỉnh/TP hoặc mức toàn mạng tương ứng với mức độ, phạm vi vi phạm và có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A và khách hàng của Bên A, đồng thời bị xử lý theo quy định pháp luật.
- 14.9. Trường hợp Bên B vi phạm một trong các lỗi sau thì bị giảm trừ 8% tổng giá trị quyết toán của tháng vi phạm cho mỗi lỗi trên một lần vi phạm, áp dụng tại tỉnh/TP nơi xảy ra vi phạm:

104  
 ING  
 CỔ  
 CÔNG  
 VIỆT  
 ĐỊNH

- Dem tài sản của Bên A cho bên thứ ba thuê, mượn hoặc sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào mà không được người có thẩm quyền của Bên A cho phép bằng văn bản.
- Lấy danh nghĩa của Bên A hay sử dụng các quyền của Bên A để trao đổi hạ tầng, kéo cáp, triển khai hạ tầng mà không được sự cho phép của Bên A, đại diện của Bên A bằng văn bản.
- Có hành vi tấn công, phá hoại, gây nguy hiểm đến tài sản, mạng lưới, khách hàng của Bên A. Đối với các lỗi gây ra sự cố đặc biệt nghiêm trọng nếu lặp lại lần thứ 2 thì bị coi như hành vi phá hoại mạng lưới Bên A.

**14.10.** Không ảnh hưởng đến quyền phạt/bồi thường/giam trừ hợp đồng nêu trên, bên vi phạm hợp đồng có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại kịp thời và đầy đủ cho bên còn lại do hành vi vi phạm các nội dung trong Hợp đồng. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại bao gồm nhưng không hạn chế ở tài sản bị mất mát, doanh thu, thu nhập bị mất, các chi phí vận chuyển, đi lại, ăn ở của nhân viên, chi phí thay thế hàng hóa, chi phí thẩm định giá trị tài sản, chi phí thuê luật sư, chi phí thuê, mượn trong lúc chờ khắc phục, các chi phí thực phát sinh khác để xử lý cho vụ việc liên quan.

**14.11.** Riêng các trường hợp liên quan đến chi phí xăng dầu và tiêu thụ năng lượng, quy định phạt, bồi thường được áp dụng như sau:

- Trường hợp gian lận chi phí xăng dầu với bất kỳ hình thức nào, Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị bị gian lận và bị phạt thêm bằng 2% giá trị quyết toán tháng/ 1 lần vi phạm/ vị trí vi phạm. Áp dụng tại tỉnh/TP nơi xảy ra vi phạm.
- Đối với các vị trí trạm có tiêu thụ năng lượng hàng tháng vượt định mức đã được quy định trong hợp đồng này do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị phần vượt định mức.

**14.12.** Nếu một Bên thanh toán chậm quá mười lăm (15) ngày so với tiến độ quy định trong Hợp đồng này thì Bên đó sẽ phải chịu lãi suất cho vay doanh nghiệp kỳ hạn một năm của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam từ ngày thứ 16 trở đi cho đến ngày thực hiện thanh toán, nhưng không quá 8% giá trị thanh toán chậm.

**14.13.** Đối với các trường hợp tài sản bị mất, hư hỏng do lỗi của Bên B thì ngay khi xảy ra vụ việc, Bên B sẽ bị phạt 8% trên giá trị nguyên giá của tài sản bị mất, hư hỏng. Đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại đối với tài sản bị mất, hư hỏng. Mọi chi phí để khắc phục hậu quả sẽ do bên vi phạm chi trả.

Về việc bồi thường đối với máy phát điện, thiết bị viễn thông đang hoạt động bình thường mà bị mất, bị hỏng hẳn không sửa chữa được do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường bằng hiện vật có giá trị sử dụng tương đương (cùng hãng sản xuất, năm sản xuất/đưa vào sử dụng, thời gian sử dụng còn lại, công suất định mức và công suất sử dụng còn lại lấy theo dữ liệu của Bên A) hoặc tốt hơn. Trong thời gian tối đa 6 tháng tính từ lúc

Bên A có văn bản yêu cầu bồi thường mà Bên B không thể bồi thường được bằng hiện vật có giá trị tương đương thì giá trị bồi thường bằng tiền không nhỏ hơn 62% giá trị nguyên giá nếu máy, thiết bị đã đưa vào sử dụng trên 3 năm và không nhỏ hơn 92% giá trị nguyên giá nếu máy, thiết bị đưa vào sử dụng nhỏ hơn hoặc bằng 3 năm, Bên A thực hiện giảm trừ vào lần quyết toán tiếp theo gần nhất.

- 14.14. Giá trị phạt, giảm trừ do vi phạm tiêu chuẩn chất lượng, chỉ tiêu kỹ thuật, KPI sẽ được các bên xác nhận bằng văn bản và sẽ giảm trừ vào giá trị nghiệm thu công việc hàng tháng.
- 14.15. Khi xảy ra sự cố, vụ việc gây thiệt hại về tài sản của người dân, xã hội hoặc bên thứ 3 mà do lỗi của Bên B thì Bên B chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.
- 14.16. Các khoản phạt và bồi thường thiệt hại mà Bên B phải trả cho Bên A có thể được hai Bên thống nhất giảm trừ trong Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành tháng hoặc Biên bản quyết toán Quý; hoặc Bên A có quyền được khấu trừ vào các đợt thanh toán và/hoặc khấu trừ vào khoản Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, Bảo lãnh tạm ứng.

## **ĐIỀU 15. TẠM DỪNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

### **15.1 Tạm dừng Hợp đồng**

- Bên A có quyền yêu cầu Bên B tạm dừng thực hiện công việc trong hợp đồng/phụ lục hợp đồng nếu phát hiện Bên B không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động, tiến độ và các cam kết khác theo Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng đã ký kết. Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B 30 ngày trước khi tạm dừng và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng.

### **15.2 Chấm dứt Hợp đồng**

15.2.1. Hợp đồng có thể được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Hợp đồng được hai Bên thống nhất chấm dứt bằng văn bản.
- b) Một trong hai Bên xin chấm dứt Hợp đồng do không có khả năng thực hiện Hợp đồng và được Bên kia chấp nhận bằng văn bản.

15.2.2. Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- a) Bên B không thực hiện đúng nghĩa vụ, cam kết trong Hợp đồng và /hoặc Phụ lục hợp đồng và không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.
- b) Bên B không thực hiện, bỏ dở hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng và/hoặc Phụ lục hợp đồng;
- c) Bên B không có lý do chính đáng mà 3 ngày liên tục không thực hiện công việc theo phạm vi Hợp đồng và/hoặc Phụ lục Hợp đồng;
- d) Bên B chuyển nhượng Hợp đồng hoặc thuê thầu phụ mà không có sự đồng ý của Bên A;
- e) Bên B bị phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, bị phong tỏa/ quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ;

753  
 CÔNG  
 PHẦN  
 TRIN  
 ITEL  
 - TP. V

- f) Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng bất kỳ lúc nào bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên B trước 30 ngày về việc chấm dứt hợp đồng hợp đồng.
- Ngoại trừ chấm dứt Hợp đồng theo điểm f, các trường hợp chấm dứt Hợp đồng còn lại theo quy định tại khoản này được thực hiện như sau:
    - + Bên A gửi thông báo việc chấm dứt hợp đồng trước 05 ngày mà không phải chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý nào. Việc chấm dứt Hợp đồng không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên A theo Hợp đồng.
    - + Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể tự thực hiện và/hoặc thuê đơn vị khác thực hiện Hợp đồng và Bên B chịu toàn bộ các chi phí cho việc này. Bên A và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ vật tư, vật liệu, tài liệu nào của Bên B và các tài liệu thiết kế khác do Bên B thực hiện hoặc do đại diện Bên B thực hiện.
  - Trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại điểm f, Bên A thanh toán cho Bên B phần giá trị Dịch vụ đã thực hiện tính đến thời điểm chấm dứt.
  - Xác định giá trị dịch vụ vào ngày chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A: Ngay khi thông báo chấm dứt Hợp đồng, Hai Bên sẽ tính toán và xác định giá trị của các dịch vụ, hạng mục đã thực hiện, vật tư, vật liệu và tài liệu của Bên B và các khoản tiền phải thanh toán cho Bên B cho các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng. Bên B phải có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ vật tư, hàng hóa, thiết bị, công cụ dụng cụ chưa được sử dụng cho Bên A.
  - Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A: Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể:
    - a) Không thanh toán thêm cho Bên B bất cứ khoản nào cho đến khi chi phí thực hiện sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ (nếu có) và các chi phí khác mà Bên A chấp thuận đã được xác định.
    - b) Sau khi hai Bên đã xác nhận đầy đủ các khoản phạt, bồi thường thiệt hại mà do lỗi của Bên B gây lên, Bên A sẽ thanh toán phần tiền cân đối còn lại cho Bên B. Trong trường hợp giá trị phạt và bồi thường cao hơn giá trị còn phải trả của Bên A, Bên B có trách nhiệm hoàn trả phần thiếu cho Bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày có thông báo chính thức của Bên A hoặc Bên A sẽ khấu trừ từ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh tạm ứng. Trong trường hợp Bên B chậm thanh toán, Bên B sẽ phải chịu lãi suất như quy định tại Điều 14.3.
  - Hợp đồng bị chấm dứt được tính từ thời điểm Bên B nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng bằng văn bản từ Bên A.
  - Ngoại trừ các quy định tại Điều 15.2.1 và các lý do bất khả kháng như quy định ở Điều 17 dưới đây, trong các trường hợp chấm dứt Hợp đồng, Bên vi phạm phải chịu phạt đến 8% giá trị Hợp đồng bị chấm dứt và bồi thường thiệt hại như quy định tại Điều 14. Đồng thời, các Bên vẫn phải thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin quy định tại Hợp đồng này sau khi chấm dứt Hợp đồng.

## **ĐIỀU 16. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG HỢP ĐỒNG**



- Khi có hạng mục/dịch vụ phát sinh chưa có trong Hợp đồng, hai bên sẽ tiến hành thỏa thuận đơn giá theo quy định, định mức của nhà nước và Bên A, đảm bảo phù hợp với đơn giá thị trường tại thời điểm phát sinh và hai Bên sẽ ký kết hợp đồng/ phụ lục hợp đồng riêng biệt cho dịch vụ phát sinh này.
- Khi cần điều chỉnh, bổ sung nội dung liên quan đến hợp đồng, hai bên cùng bàn bạc thống nhất và ký phụ lục điều chỉnh bổ sung hợp đồng hoặc được điều chỉnh, bổ sung trong phụ lục hợp đồng. Các phụ lục hợp đồng này sẽ được coi như một bộ phận không tách rời của hợp đồng mà hai bên có trách nhiệm cùng thực hiện.

### 16.1. Điều chỉnh giá đối với dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin lớp mạng truy nhập

#### 16.1.1. Điều chỉnh đơn giá trạm:

Kết thúc từng giai đoạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, hai bên thống nhất điều chỉnh đơn giá trạm thuộc hợp đồng theo nguyên tắc sau:

$$\text{Đơn giá trạm năm } N = \text{Đơn giá trạm năm } N-1 \times K_{\text{Điều chỉnh năm } N}$$

Trong đó:

$K_{\text{Điều chỉnh năm } N}$  sẽ được áp dụng như sau:

- $K_{\text{Điều chỉnh năm } N} = 1$  nếu  $0.95 < K_N < 1.05$ .
- $K_{\text{Điều chỉnh năm } N} = K_N$  nếu  $0.8 \leq K_N \leq 0.95$  hoặc  $1.05 \leq K_N \leq 1.2$
- $K_{\text{Điều chỉnh năm } N} = 0.8$  nếu  $K_N < 0.8$
- $K_{\text{Điều chỉnh năm } N} = 1.2$  nếu  $K_N > 1.2$

$K_N$  là hệ số tăng giảm khối lượng công việc thực hiện giữa năm  $N$  và năm  $N-1$   
 Cách xác định  $K_N$  và các giải thích chi tiết trong *Phụ lục Nguyên tắc và phương pháp điều chỉnh đơn giá trạm*.

#### 16.1.2. Bổ sung hợp đồng

- Khi có hạng mục/dịch vụ phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng, hai bên sẽ tiến hành thỏa thuận đơn giá theo quy định, định mức của nhà nước và Bên A, đảm bảo phù hợp với đơn giá thị trường tại thời điểm phát sinh và hai bên sẽ ký kết hợp đồng riêng biệt cho dịch vụ phát sinh này.
- Khi cần điều chỉnh, bổ sung nội dung liên quan đến hợp đồng, hai bên cùng bàn bạc thống nhất và ký phụ lục điều chỉnh bổ sung hợp đồng hoặc hợp đồng mới.

Các phụ lục hợp đồng được coi như một bộ phận không tách rời của hợp đồng mà hai bên có trách nhiệm cùng thực hiện

### 16.2. Điều chỉnh giá đối với dịch vụ vận hành khai thác và UCTT đường dây thuê bao và triển khai mới khách hàng cố định băng rộng và kênh truyền

#### 1. Nguyên tắc chung

- (1) Khi có điều chỉnh về danh mục công việc/công việc thành phần của dịch vụ (*tăng/giảm về đầu việc hoặc tần suất phát sinh*) thì thực hiện điều chỉnh giá theo nguyên tắc:

- ✓ Tăng/giảm danh mục công việc/công việc thành phần có trong dịch vụ thì sẽ tăng giảm tương ứng đơn giá của đầu việc/công việc thành phần.
  - ✓ Khi có phát sinh đầu việc với chưa có trong dịch vụ thì bên mời thầu và nhà thầu sẽ thương thảo, thống nhất.
- (2) Khi có điều chỉnh yêu cầu về chất lượng (*tăng/giảm Target, bổ sung/loại bỏ bớt chỉ tiêu KPI*) thì bên mời thầu và nhà thầu sẽ thương thảo, thống nhất.
- (3) Trong trường hợp tổng giá trị thay đổi theo nguyên tắc từ mục (1) - (3) làm biến đổi  $> \pm 2\%$  giá trị dịch vụ (dịch vụ vận hành khai thác và UCTT đường dây thuê bao và triển khai mới khách hàng cố định băng rộng)/năm thì bên mời thầu và nhà thầu sẽ thương thảo, thống nhất (*trường hợp biến đổi  $\leq 2\%$  thì không điều chỉnh giá hợp đồng*).

## 2. Một số áp dụng điều chỉnh chi tiết

### 2.1 Đối với công tác duy trì

- Công thức tính: Đơn giá duy trì theo tỉnh (trước VAT) = Đơn giá các tác vụ Duy trì \* Tần suất từng tác vụ
- + Đơn giá tác vụ = Chi phí trực tiếp + Chi phí gián tiếp + Thu nhập chịu thuế tính trước
  - ✓ Chi phí trực tiếp = Hao phí nhân công \* Đơn giá nhân công + Hao phí máy \* Đơn giá ca máy (*chi phí này thay đổi khi có thay đổi về danh mục công việc/công việc thành phần của dịch vụ, danh mục công việc/công việc thành phần của dịch vụ tham chiếu PLB...01*)
  - ✓ Chi phí gián tiếp:
    - Chi phí chung = Chi phí trực tiếp \* 4%
    - Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công = Chi phí trực tiếp \* 0.85%.
    - Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế = Chi phí trực tiếp \* 2%.
  - ✓ Thu nhập chịu thuế tính trước (Chưa bao gồm VAT): Thu nhập chịu thuế tính trước = (Chi phí trực tiếp + Chi phí gián tiếp) \* 5.5%
- + Tần suất từng tác vụ: Tham chiếu PL B...02.
- Điều chỉnh giá khi: Thay đổi danh mục công việc/công việc thành phần của dịch vụ (tăng/giảm về đầu việc hoặc tần suất phát sinh).

### 2.2 Đơn giá triển khai mới

#### 2.2.1 Đơn giá triển khai mới FTTH

- Công thức tính: Đơn giá triển khai mới FTTH tại từng khoảng cách kéo cáp = Chi phí trực tiếp + Chi phí gián tiếp + Thu nhập chịu thuế tính trước
- + Chi phí trực tiếp = Hao phí nhân công \* Đơn giá nhân công + Hao phí máy \* Đơn giá ca máy (Hao phí nhân công và Hao phí máy phụ thuộc vào khoảng cách kéo dài cáp và phương pháp thi công, khoảng cách kéo dài cáp tham chiếu PL03).
- + Chi phí gián tiếp:
  - ✓ Chi phí chung = Chi phí trực tiếp \* 4%
  - ✓ Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công = Chi phí trực tiếp \* 0.85%.

- ✓ Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế = Chi phí trực tiếp \* 2%.
  - + Thu nhập chịu thuế tính trước (Chưa bao gồm VAT): Thu nhập chịu thuế tính trước: (Chi phí trực tiếp + Chi phí gián tiếp) \* 5.5%.
  - **Điều chỉnh giá khi:** Thay đổi về khoảng cách kéo rải cáp, thay đổi danh mục công việc/công việc thành phần của dịch vụ.
- 2.2.2 Đơn giá triển khai mới các dịch vụ khác** (Box Truyền hình nội mạng, Box Truyền hình ngoại mạng, Homewifi, Camera Indoor, Camera Outdoor, Camera AI, Camera DN, Thay thiết bị 1 Băng tần sang 2 Băng tần)
- **Công thức tính: Đơn giá triển khai = Chi phí trực tiếp + Chi phí gián tiếp**
  - + Thu nhập chịu thuế tính trước
  - + **Chi phí trực tiếp** = Hao phí nhân công \* Đơn giá nhân công + Hao phí máy \* Đơn giá ca máy.
  - + Chi phí gián tiếp:
    - ✓ Chi phí chung = Chi phí trực tiếp \* 4%
    - ✓ Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công = Chi phí trực tiếp \* 0.85%.
    - ✓ Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế = Chi phí trực tiếp \* 2%.
  - + Thu nhập chịu thuế tính trước (Chưa bao gồm VAT): Thu nhập chịu thuế tính trước: (Chi phí trực tiếp + Chi phí gián tiếp) \* 5.5%.
- Điều chỉnh giá khi:** Thay đổi danh mục công việc/công việc thành phần của dịch vụ

## ĐIỀU 17. BẤT KHẢ KHÁNG

### 17.1 Sự kiện bất khả kháng.

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan, nằm ngoài tầm kiểm soát của con người, không thể lường trước khi ký kết hợp đồng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: Thiên tai, sự cố môi trường, dịch họa, hỏa hoạn và các sự kiện bất khả kháng khác.

Đối với sự kiện trạm, thiết bị bị cháy không được coi là sự kiện bất khả kháng trừ trường hợp Bên A xác nhận không phải thuộc trách nhiệm của Bên B.

Thông báo về sự kiện bất khả kháng. Khi một bên gặp phải tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản kèm các tài liệu chứng minh bất khả kháng cho bên kia trong thời gian sớm nhất nhưng trong mọi trường hợp không được muộn hơn 07 (bảy) ngày kể từ khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

### 17.2 Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng

#### 17.2.1 Trường hợp sự kiện bất khả kháng xảy ra đã tính đến trong phạm vi của Hợp đồng.

Trường hợp sự kiện bất khả kháng không thuộc điều khoản giảm trừ do bất khả kháng như quy định tại các phụ lục của hợp đồng (phụ lục A, phụ lục B, phụ lục C), Bên B có trách nhiệm thông báo về sự kiện bất khả kháng xảy ra nêu trên cho Bên A và vẫn tiếp tục thực hiện các công việc theo Phạm vi quy định

trong Hợp đồng này mà không có quyền yêu cầu thêm bất cứ khoản chi phí nào với Bên A.

**17.2.2 Trường hợp sự kiện bất khả kháng xảy ra nằm ngoài phạm vi tính đến trong Hợp đồng.**

Nếu sự kiện bất khả kháng xảy ra nằm ngoài phạm vi tính đến trong Hợp đồng, Bên B bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng, thì Bên B vẫn có trách nhiệm thông báo về sự kiện bất khả kháng xảy ra nêu trên cho Bên A. Trong trường hợp này, thời gian thực hiện nghĩa vụ sẽ được kéo dài theo thỏa thuận của hai Bên và hai Bên sẽ bàn thảo, thống nhất về phương án xử lý và các thiệt hại phát sinh.

**ĐIỀU 18. LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- Luật áp dụng trong Hợp đồng này là pháp luật Việt Nam.
- Trong trường hợp có tranh chấp xuất phát từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, hai Bên sẽ cố gắng giải quyết thông qua thương lượng.
- Trong trường hợp tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày một Bên gửi văn bản yêu cầu Bên kia giải quyết tranh chấp thì các Bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội để giải quyết. Phí tố tụng và/hoặc các chi phí khác có liên quan sẽ do Bên thua kiện chịu.

**ĐIỀU 19. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được ký bởi đại diện có thẩm quyền của hai Bên và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng có hiệu lực.
- Hợp đồng sẽ kết thúc sau khi hai Bên đã ký Biên bản quyết toán, thanh lý cho toàn bộ Hợp đồng/Phụ lục Hợp đồng và hai bên hoàn thành hết các nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng trừ nghĩa vụ bảo mật thông tin như quy định tại Điều 13 của Hợp đồng này.
- Nếu có những điểm trong Hợp đồng này mất hiệu lực pháp lý thì phần còn lại của Hợp đồng vẫn có hiệu lực ràng buộc các Bên. Mọi sửa đổi và bổ sung cho Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi được làm thành văn bản và có chữ ký đầy đủ của đại diện có thẩm quyền của hai Bên. Bản sửa đổi bổ sung này sẽ được coi là một phần không tách rời của Hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày hai Bên ký.
- Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản, có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 04 (bốn) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản làm căn cứ thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2023

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN**

Kính gửi:

Mã QR

**Cổ đông:**

**Địa chỉ:**

**Điện thoại:**

**Số đăng ký sở hữu:**

**Số lượng cổ phần/số phiếu biểu quyết:**

**I. THÔNG TIN CÔNG TY**

Tên công ty: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1 Giang Văn Minh, P. Kim Mã, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104756865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 09/06/2010, cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 10/08/2022.

**II. MỤC ĐÍCH LẤY Ý KIẾN**

Hội đồng quản trị Tổng Công ty CP Công trình Viettel lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nhằm thông qua 02 nội dung:

- Điều chỉnh phương án trả cổ tức còn lại năm 2022.
- Hợp đồng, giao dịch với cổ đông Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.

Nội dung chi tiết các Tờ trình đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty, Quý cổ đông vui lòng theo dõi tại đường dẫn: <https://viettelconstruction.com.vn/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong/> hoặc quét mã



**III. NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN**

**Nội dung số 1:** Thông qua Tờ trình số 87/TTr-VCC ngày 05/12/2023 về việc điều chỉnh phương án trả cổ tức còn lại năm 2022.

Tán thành  Không tán thành  Không có ý kiến

**Nội dung số 2:** Thông qua Tờ trình số 88/TTr-VCC ngày 05/12/2023 về việc Chấp thuận hợp đồng, giao dịch với cổ đông Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.

Tán thành  Không tán thành  Không có ý kiến

**Lưu ý:**

Quý cổ đông đánh dấu (x) hoặc (√) vào 01 trong 03 ô **Tán thành** hoặc **Không tán thành** hoặc **Không có ý kiến** và thực hiện các yêu cầu khác đảm bảo tuân thủ quy định theo Quy chế lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2023 ban hành kèm theo Nghị quyết HĐQT số 35/NQ-VCC ngày 05/12/2023 đã được đăng tải tại đường dẫn <https://viettelconstruction.com.vn/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong/>



Số: /NQ-VCC

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL  
(Dự thảo)**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel;*

*Căn cứ biên bản kiểm phiếu biểu quyết của cổ đông theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số /BB-VCC ngày /12/2023.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua việc hủy bỏ phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ thực hiện 21,51%.

**Điều 2.** Thông qua việc chi trả cổ tức còn lại của năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 19,19%.

**Điều 3.** Chấp thuận về việc Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel tham gia thầu cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 và giao cho Người đại diện theo pháp luật Tổng Công ty ký kết các Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân nếu trúng thầu.

**Điều 4.** Điều khoản thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- UBCK, Sở GDCK HCM;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Các cổ đông qua Website;
- Lưu: HĐQT. Quân 03.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**ĐỖ MẠNH HÙNG**